

# GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM

ARCHIVES DOCUMENTAIRES D'ART, D'ETHNOGRAPHIE ET DE SOCIOLOGIE  
DE LA CHINE ET DE L'INDO-CHINE

## I

INTRODUCTION GÉNÉRALE A L'ÉTUDE

DE LA

TECHNIQUE

DU

PEUPLE ANNAMITE

ESSAI SUR LA VIE MATÉRIELLE  
LES ARTS ET INDUSTRIES DU PEUPLE D'ANNAM

PAR

HENRI OGER

ADMINISTRATEUR DES SERVICES CIVILS DE L'INDO-CHINE

DEUX VOLUMES

I. Texte in-4°, 32 planches.

II. Album de 4000 dessins, plans et gravures in-folio (65 x 40) 700 pages.

PARIS

GEUTHNER  
LIBRAIRE-ÉDITEUR  
68, rue Mazarine (VI)

JOUVÉ & Co  
IMPRIMEURS-ÉDITEURS  
15, rue Racine (VI)

A

JEAN AJALBERT

*In souvenir de nos longues causeries de la Malmaison  
Au confident des heures de doute.*

A

M. AYMONTIER, Professeur de Cambodgien, d'Histoire et de Coutumes  
Indo-Chinoises à l'Ecole Coloniale,

M. LORIN, Inspecteur des Services Civils de l'Indo-Chine, Professeur  
d'Annamite et de Chinois à l'Ecole Coloniale,

M. LORGEON, Professeur de Siamois à l'Ecole des Langues Orientales  
Vivantes,

M. PRÊTRE, Administrateur des Services civils de l'Indo-Chine, Pro-  
fesseur de Droit et d'Organisation Administrative de l'Indo-  
Chine

M. NORÈS, Inspecteur des Colonies, Professeur de Droit Adminis-  
tratif Colonial,

M. LE CAPITAINE ROUX, de l'Artillerie Coloniale,

*leur ancien élève reconnaissant.*

## REMERCIEMENTS

La publication des 16 volumes de la *Technique du Peuple Annamite*  
a été assurée grâce aux souscriptions de

M. EBERHARDT, Précepteur du Roi d'Annam, Docteur ès sciences  
(Hué),

M. SCHNEIDER, Libraire à Hanoï,

MM. LE GALLEN, TISSOT, PERRET, BATAULT, HUCKEL, MONROUX, GIRAN,  
MASPERO, Administrateurs des Services Civils de l'Indo-Chine,

M. BARBOTIN, Directeur de l'Ecole Professionnelle de Hanoï,

M. PÉRALLE, Directeur de l'Enseignement au Tonkin,

M. POULIN, Secrétaire de la Direction de l'Enseignement,

M. CHANÉ, Directeur de la Cotonnière,

M. HOANG-TRONG-PHU, Tong-Dóc de la Province de Ha-Dông,

M. MANDRON, Professeur,

M. RICQUEBOURG, Directeur des Douanes et Régies au Cambodge.

L'auteur se doit ici de les remercier de la grande sympathie et de  
la longue confiance qu'ils lui ont constamment témoignées.  
*Elles le consolent plus qu'amplement des vilenies et des bas-  
sesses suscitées — infailliblement — dans ce pays par tout  
travailleur probe et indépendant.*

# GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM

## I

### **Nghề lấy nguyên liệu từ thiên nhiên**

(Nghề nông ; Nghề đánh cá ; Nghề săn bắn ; Nghề vận tải ; Nghề hái quả)

## II

### **Nghề làm nguyên liệu lấy từ thiên nhiên**

(Nghề giấy ; Kim loại quý ; Nghề gốm ; Nghề Bạc và thiếc ; Nghề làm gỗ ; Vũ khí ;  
Tre ; Mây ; Nghề chế biến hoa quả ; Vải sợi ; Tơ lụa ; Lông ; Da ; Sắt ; Đồng)

## III

### **Nghề dùng nguyên liệu được làm ra**

(Nghề buôn bán ; Đá ; Mảnh và đồ trang trí ; Nghề tô màu và sơn mài ; Nghề điêu khắc và làm tượng ; Đồ thờ ;  
Nghệ thuật nấu ăn ; Nghề may mặc ; Nghề xây dựng ; Nghề làm đồ nội thất ; Công cụ ; Dụng cụ ; Máy ; Nghề làm mứt và bánh ngọt)

## IV

### **Đời sống tư và công của người dân An nam**

(Đời sống công ; Đời sống tình cảm ; Đời sống tình cảm ; Ảo thuật và tướng số ; Các phép trị liệu dân gian ;  
Tết và lễ ; Trò chơi và đồ chơi ; Cử chỉ ; Đời sống ngoài phố ; Nghề bán rong ; Tranh dân gian)

\*

\* \*

HENRI OGER

Cựu học sinh của Trường thuộc địa Pháp và Trường Cao học thực hành (Sorbonne),

Viên chức dân sự của Đông Dương

Thu thập tài liệu tại Hà Nội trong thời gian 1908-1909

# LỜI NÓI ĐẦU

**N**GAY khi làm bộ sưu tập “Lưu trữ tư liệu nghệ thuật, dân tộc học, xã hội học về Trung Quốc và Đông Dương” gồm trên ba mươi tập bài viết, bản vẽ, tác giả mong được lượng thứ vì còn quá trẻ. Ở Pháp và ở Đông Dương, nhiều người không thực sự thông cảm với tác giả. Vài người bạn tốt cho rằng đây là công việc dễ dàng. Tất nhiên, chỉ nghĩ về việc này chưa đủ, mà phải làm thật tốt. Những người hiểu kì sẽ thấy sau lời nói đầu này rằng đồ mỗi hồi trên các nẻo đường nóng như đồ lửa vùng nhiệt đới Hà Nội, thành phố nằm bên sông Hồng là cách nói ẩn dụ.

Là học trò của hai giáo sư Sylvain Levi và Finot ở trường Collège de France<sup>1</sup> và École Pratique des Hautes Études (Trường Cao học thực hành<sup>2</sup>, tại Đại học Sorbonne), năm 1907, tác giả được ân huệ của Bộ thuộc địa Pháp cho đến Bắc Kỳ làm nghĩa vụ quân sự hai năm. Trong thời kì này, một trong những dự án mà tác giả tập trung nghiên cứu là gia đình An Nam theo phương pháp khảo cứu sâu. Đặc trưng của phương pháp này thiết lập đầy đủ các khoản chi tiêu như may mặc, ăn uống, tiền thuê nhà, lương, tiền mua sắm đồ đạc, nội thất,... Trong quá trình ghi chép, tác giả nhận ra rằng có lẽ chỉ có một vài nhà truyền giáo từng sống ở An Nam mới hiểu được mình và công trình nghiên cứu này khó có ai hiểu được, nhất là những độc giả ở Pháp<sup>3</sup>

Việc đầu tiên đặt ra là: Xác định các thuật ngữ nghề nghiệp. Nếu chỉ là từ vựng thì đây đã là một cuốn sách lớn, vì có rất nhiều nghề. Các thuật ngữ

chỉ vật chất rất phong phú trong tiếng Việt. Khả năng trừu tượng hình như chưa được phát triển lắm ở dân tộc này. Như vậy, việc nghiên cứu sẽ tốt và trong tương lai, sẽ còn tốt hơn<sup>4</sup>.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Ròng rã một năm trời, tác giả đã đi khắp các xưởng, các cửa hàng cùng với một họa sĩ. Tác giả đã đặt ra nhiều câu hỏi về kích thước, về một cái tên đặc biệt, về cách làm ra một công cụ hay một đồ nghề. Người thợ phân tích động tác theo chức năng của công cụ. Với một bản giấy vẽ, họa sĩ minh họa ngay tất cả các công đoạn đồ. Bản trình bày gồm hai phần rất rõ ràng: Nghiên cứu đồ vật và công cụ để làm đồ vật đó. Nghiên cứu cử chỉ, nghĩa là nghiên cứu đồ vật hay công cụ theo chức năng của nó. Phương pháp này cho phép sắp xếp, tập hợp chúng với nhau. Vì thế, các dụng cụ bằng gỗ, bằng sắt, bằng thiếc, bằng tre được giải thích và bổ sung cho nhau qua sự gần nhau. Nghiên cứu nghề của một dân tộc chính là nghiên cứu nền văn minh vật chất của dân tộc đó. Vì thế, độc giả sẽ không ngạc nhiên thấy ở sự tái tạo lại và nghiên cứu hàng loạt các động tác ở đồ mọi công cụ được sử dụng. Chúng ta cùng lấy một ví dụ: Trò chơi: Chính ở đây, cơ thể con người dùng làm công cụ cũng như môi trường, như đất, cây cối, nước, nơi mà cá thể đang sinh sống.

<sup>1</sup> Collège de France: Trung tâm giảng dạy và nghiên cứu, truyền bá tri thức uyên bác do vua Pháp François I lập năm 1530, nằm ở quảng trường Marcelin Berthelot, khu Latin quận 5 thủ đô Paris. Lúc đầu có tên gọi là “Collège Royal” sau đó là “Collège Impérial” và từ năm 1870 đến nay đổi thành Collège de France.

<sup>2</sup> École Pratique des Hautes Etudes thành lập năm 1868, Trường đào tạo nghiên cứu cơ bản thông qua thực hành cho các ngành khoa học đời sống, trái đất, khoa học tôn giáo, nằm ở số 46 phố Lille 75507 Paris.

<sup>3</sup> Nghiên cứu đời sống riêng của dân tộc Việt Nam theo quan điểm vật chất sẽ gồm 5 loại:  
a- Loại riêng gồm nghiên cứu nguyên liệu do ba triều đại cung cấp, dùng để làm ra các sản phẩm, đồ vật cần thiết cho đời sống gia đình, xã hội.  
b- Nhà ở, nội thất, may mặc.  
c- Thực phẩm, đồ uống, chăm sóc vệ sinh, sức khỏe.  
d- Chiếu sáng và sưởi ấm.  
e- Công cụ và dụng cụ.

<sup>4</sup> Dân tộc Việt Nam thuộc hàng các dân tộc bán văn minh, có tiến bộ đáng khen nhưng còn chậm, trong đó, yếu tố duy trì thành quả là chính: Là một xã hội có hàng triệu dân, có chữ viết tượng hình hay theo phiên âm, nền văn học sơ lược. Họ chia thành hai loại: làm nông nghiệp (Trung Quốc, Việt Nam, Chăm, Abisanh, Malaxia, Hy Lạp cổ, Peru); người du mục (Mông Cổ, Ả Rập) (theo Deniker, chủng tộc và các dân tộc trên trái đất, 1980, lấy từ bảng xếp hạng của M Vierkandt, Naturvoelker und Kulturvoelker, Leipzig, 1896).

## CÁCH TRÌNH BÀY

*Không gì vất vả bằng đọc bài tả các công cụ hay các động tác nếu không có một sơ đồ trước mắt. Các nhà văn khiêu khích không phải là đông. Và lại, trí nhớ hình ảnh còn rất dai dẳng. Vì thế phần lớn của nghiên cứu này gồm sưu tập các bản vẽ và tờ giấy vẽ.*

*Nét đặc trưng cơ bản của sưu tập này là tính lí luận và logic chặt chẽ. Đây không phải là sản phẩm mang tính ngẫu nhiên. Các tài liệu của sưu tập vượt con số 4000.*

*Sự thể hiện bằng hình ảnh các tài liệu tập hợp được có lợi thế lớn nhưng không tránh khỏi bất cập. Đây là cách tuyệt vời để kiểm chứng các ghi chép khi vắng mặt họa sĩ. Nhưng cũng sợ rằng họa sĩ có thể làm sai lệch vì không hiểu rõ hoặc do cách vẽ phóng khoáng. Tác giả chấp nhận làm theo cách này. Tác giả đưa cho họa sĩ một kịch bản, kịch bản này đã được đưa trước cho người An Nam khác. Bức vẽ hoàn thành được giới thiệu cho người dân có đầu óc phê phán tốt. Đây là cách kiểm tra tuyệt vời và hàng loạt cuộc nói chuyện cho phép tìm ra điều mới mẻ, như thế chúng ta đi từ điều đã biết để đến với cái chưa biết.*

*Các động tác, các nét vẽ phong tục của quá khứ, hôm nay bị phá bỏ như vậy có thể cứu lại được. Bài viết của tác giả được biên soạn theo phương pháp nghiên cứu rất khách quan: mỗi bức vẽ trước hết được diễn tả từng nét một, sau đó là những xem xét chung. Không một thuật ngữ nghề nào bị bỏ ra bên ngoài, tác giả không viết công trình truyền bá, do không có can đảm để làm việc này.*

*Sau đó tác giả xếp loại các tài liệu và các nhận xét của mình trong các ngăn rộng về sau này được chia ra thành hàng loạt các chuyên khảo. Chính khi xem toàn bộ tập bài viết, tác giả mới nảy ra ý định chia thành hai phần: Tập bản vẽ và tập bài viết, như vậy có thể tránh nhắc lại điều đã nói, hơn thế nữa, cách này cũng cho phép sắp xếp các quan sát mới mà không phải làm lại tập này. Tập bài viết có kèm theo phần chỉ dẫn chi tiết và một bảng phân tích để dễ dàng sử dụng.*

## CÁCH XUẤT BẢN

*Ai cũng biết rằng là các nhà in và hiệu sách của Bắc Kỳ không làm xuất bản vì lẽ đó, tác giả phải tự lo liệu tất cả. Tác giả có lòng tin khi bắt tay làm quyển góp. Tác giả xin kể lại một vài câu chuyện khờ khạo, thô lỗ đã qua : 20 người thật thà cho anh 200 đồng. Đây là vốn ban đầu.*

*Trong một cái đình ở phố Hàng Gai sau đó, ở Chùa Vũ Thạch anh ta nhận ra ngay tính trung thực trong thương mại của người Việt và ý thức của người công nhân nghiêm túc. Đối với người Việt, người châu Âu là kẻ thù cần phải nghiền nhỏ.*

*Hai tháng trời ròng rã quả là một cuộc chiến vật lộn không có hồi kết và 4000 bản khắc đã hoàn thành. Mùa hè đến, không thể đưa các bản vẽ vào giữa khe trục lăn của máy. Chúng bị cong vênh lên. Vậy là phải dùng đến các kĩ thuật in của người Trung Quốc ở Việt Nam. Kĩ thuật này là đóng chốt gỗ bản giấy in trên một tấm ván, ngoài ra phải dùng giấy sản xuất theo đúng kích thước. Cách này rất chậm nhưng độ nét của bản in rất tuyệt vời. Công việc này tạo ra cho cuốn sách dần ảm của địa phương. Tất cả làm theo cách của người An Nam. Khổ giấy được chuẩn bị rất kĩ lưỡng làm từ vỏ cây Daphne, nó đảm bảo độ bền đặc biệt. Những người làm giấy ở Làng Bưởi, gần Hà Nội, rất vất vả vì chưa bao giờ phải làm giấy cỡ to bự như thế. Công cụ làm giấy thô sơ giải thích khá rõ điều này.*

*Khó khăn vật chất không là gì cả. Tác giả còn rất trẻ, vừa mới qua tuổi 20, và có ai để ý đến anh ta đâu. Một số người khẳng định rằng các bài đăng hàng ngày trên báo “*Tương lai của Bắc Kỳ*” bị Dumoutier kiểm duyệt: Họ có lỗi vì chưa bao giờ mở xem tập sách đáng trân trọng này của tác giả. Công trình này đáng khen vì không phải là người ở Đông Dương làm. Từ khi chính phục thuộc địa, người ta đã cho ra đời hết từ điển nọ đến từ điển kia. Còn các cuộc điều tra mang tính xã hội học, dân tộc học thật sự chỉ đếm trên đầu ngón tay. Tác giả đã hoàn thành công trình nghiên cứu mà không có sự trợ giúp của các cơ quan khoa học được thành lập ở đây để tìm hiểu rõ hơn nước An Nam.*

*Đóng góp chính trong công trình nghiên cứu của tác giả là giá trị của một cử chỉ đầy ý chí.*

HENRI OGER.

## TỔNG QUAN VỀ NGHỀ CỦA DÂN BẢN XỨ NƯỚC AN NAM

### MỘT CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY MỚI CHO NGƯỜI AN NAM

NHIỀU nhà quan sát đã từng sống ở An Nam, trong ghi chép về chuyến đi của mình cho rằng ở đất nước này không có nghề hoặc nghề nghiệp không có ý nghĩa gì cả. Tất nhiên, chúng ta không thể chờ đợi một nước An Nam nông nghiệp có một ngành công nghiệp đồ sộ, hoàn thiện. Tuy nhiên, sau hai năm quan sát, sống cùng với các nghệ nhân An Nam, tác giả của vài trang sách này tin và có thể khẳng định rằng không thể bỏ qua vị trí của ngành nghề bản xứ trong sự biến chuyển kinh tế mà chúng ta muốn tạo dấu ấn ở xứ sở này. Thật vậy, các nhà quan sát trước đây chỉ để ý tới người công nhân thành phố. Nhưng không nên quên rằng nghề nhỏ bé này tạo cho người nông dân thêm thu nhập mà việc trồng lúa, nhất là trồng lúa ở Đồng Dương không tài nào làm được. Trong những tháng nông nhàn, người nông dân trở thành người công nhân của xưởng sản xuất chung. Chúng ta nhớ lại định nghĩa về xưởng sản xuất chung có hai đặc trưng cơ bản: có một người chủ tập trung các sản phẩm và có những người công nhân làm việc tại nhà cho người chủ đó. Bây giờ chúng ta quan tâm đến người nông dân An Nam, tầng lớp xã hội hay nhất. Chúng ta đang chuẩn bị các dự án lớn về thủy lợi, có lẽ chúng ta nên nghĩ đến người nông dân- công nhân này. Họ đáng được cảm thông sâu sắc.

### NGHỀ SƠN MÀI

An Nam là nước sản xuất nhiều đồ sơn mài. Hằng năm, các nhà buôn lớn Quảng Châu nhập rất nhiều sản phẩm này. Lí do đơn giản là sơn mài của Bắc Kì cực rẻ. Mặc dù người An Nam dùng nhiều đồ sơn mài, nhưng hàng sơn mài xuất khẩu vẫn còn thừa nhiều. Phần lớn đồ dùng của người An Nam được sơn mài. Ở xứ sở này, khí hậu hay thay đổi đột ngột trong ngày. Người ta tàn phá rừng để làm đồ gỗ. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên thấy phần lớn đồ dùng nội thất làm từ sơn mài. Cái đập vào mắt trước tiên khi vào nhà là ánh sáng dịu ở khắp nơi. Nhà ở của các vị quan tạo ra cảm giác sâu lắng trước mắt người châu Âu vì các đồ dùng bằng gỗ quý, đồ sơn mài sáng lên.



HÌNH. 1.— Xưởng làm đồ sơn mài

## KĨ THUẬT CỦA THỢ SON MÀI

Kĩ thuật của thợ sơn mài An Nam còn sơ sài. Nó chưa đạt được độ tinh xảo, đảm bảo tính nổi trội hơn so với kĩ thuật của thợ sơn mài Nhật Bản. Thực ra mà nói, đối với người An Nam, sơn mài chỉ là phủ lên đồ vật một lớp verni đặc biệt. Các thao tác ban đầu chưa thật tinh xảo. Trước khi phủ lớp sơn trên đồ vật bằng tre hay bằng gỗ, người ta phải làm mài nhẵn nó rất cẩn thận để bỏ đi tất cả các chỗ lồi lõm. Sau đó người ta bịt chặt các lỗ hổng bằng đất sét được nhào rất kĩ. Người thợ bản xứ làm hàng cho khách hàng nghèo, ít đòi hỏi cao nên “làm ẩu”. Vì thế, lớp sơn mài bị phồng, vênh lên. Nói một cách khác nó bị “dính bần”. Nó không bóng mượt được bằng sơn mài Nhật Bản. Người thợ sơn mài An Nam không chịu khó tìm các mẫu trang trí. Chúng thường được thếp vàng hay thếp bạc, được vay mượn từ các tín điều của An Nam và Trung Quốc. Những tín điều này rất khó hiểu đối với người ngoại đạo như người Châu Âu. Người thợ trang trí sống tại nhà thợ sơn mài, nhưng lại không biết vẽ. Từ lúc còn nhỏ, anh ta học bắt chước mô hình trang trí. Anh ta chỉ biết bắt chước mà không hề chịu khó tìm ra mẫu mới. Đây chính là ví dụ về sự phân chia lao động trong nghề của người An Nam. Việc phân chia này không tốt vì nó không vượt lên trên “chủ nghề” để có thể làm thay đổi và hướng tới các mục đích mới.

Chúng ta có thể nhìn thấy trên hình 1 những người thợ đang làm việc. Xưởng sơn mài thường dùng làm cửa hàng chứa đầy các tấm phản. Các đồ này dùng để tránh cho nền nhà khỏi bị ẩm vì ở phía dưới có hàng đồng các dụng cụ, các mẫu gỗ, v.v... Các thế ngồi làm việc của người thợ bản xứ hoàn toàn khác với tư thế của người thợ châu Âu. Người thợ sơn mài ngồi, đầu gối cao đến tận ngực. Anh ta đang trộn sơn trong một chiếc chậu hình bán cầu, tay cầm một dụng cụ giống như là guồng của người lái thuyền. Đằng sau anh ta, một người thợ khác tay cầm bút vẽ có đầu nhọn, đang trang trí một cái tráp đựng trà cau. Đối diện với anh thợ này, một người phụ nữ đang phết sơn. Chị này dùng một cây bút hoàn toàn khác: Phần bằng gỗ hình chữ nhật, các lông tạo thành một đường để phết sơn bằng các lớp giống nhau. Ở cuối xưởng, ta thấy nhiều mẫu sản phẩm của người thợ sơn mài. Đó là chiếc hòm đựng quần áo, chạn bát, hộp đựng đồ trang sức, hộp tẩm trà, v.v...

## NGHỀ THÊU

Người Châu Âu sống ở Bắc Kì, khi muốn làm quà tặng hay mang kỉ niệm thời gian ở đây đều không quên đem về Pháp vài đồ thêu của người bản xứ. Mặt khác, sự giàu có của tầng lớp trung lưu đã tăng lên đáng kể dù người ta có nói gì đi chăng nữa. Chúng ta biết rằng lụa thêu giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong nội thất của gia đình An Nam phong lưu. Vì thế, từ 25 năm nay, số lượng thợ thêu tăng lên đáng kể. Thật tiếc là chất lượng thêu chưa được tốt lắm. Những thợ thêu chạy theo giá cả lên cao do khách hàng phong lưu tạo ra nên thường làm hàng nhanh và ẩu. Tất nhiên, hàng lụa An Nam không tốt lắm, trước thời kì Pháp thuộc, bị bỏ rơi và thay thế bằng hàng lụa bền của người Quảng Châu (Trung Quốc). Về mặt kĩ thuật hình như không có tiến bộ nào. Hình vẽ chúng ta sẽ xem sau đây vẫn còn kiểu sơ khai như trước kia. Các mẫu trang trí dưới đây không đổi, mang tính ước lệ.



FIG. 2. — OUVRIER BRODEUR

HÌNH. 2.— Thợ thêu

Thiết nghĩ nên để cho khách hàng khó tính có sở thích tinh tế dạy cho các nghệ nhân sang trọng. Chính quyền bảo hộ Bắc Kỳ lẽ ra phải can thiệp để phát triển một nghề có thể làm cho xứ sở này giàu có lên. Đáng lẽ phải lựa chọn những thợ giỏi nhất, là các con của những chủ nghề, dạy nghề cho họ, như vậy sẽ không bị lãng phí. Bởi vì, trong xứ này, việc truyền thụ các phương pháp, kĩ thuật được làm chu đáo, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Vì thế các thợ mà Liên hiệp thương mại Đông Dương ở Hà Nội đã đào tạo để sản xuất các đồ chơi cơ khí bằng bạc đã từ bỏ liên hiệp này khi họ đã nắm vững nghề. Họ đã chuyển hẳn sang làm nghề thợ bạc tại gia. Mọi đồ vật bằng thiếc trong trang trí nội thất trước khi chúng ta đến đây đã được thay thế bằng đồ bạc, nhẹ hơn, rẻ hơn.

### KỸ THUẬT NGHỀ THÊU

Nghề thêu là một trong các nghề đơn giản nhất. Dụng cụ gồm hai cái mề gỗ đỡ một cái khung chữ nhật bằng tre (xem hình 2). Hai mề gỗ đỡ trọng lượng khung hình chữ nhật này. Tấm lụa được đặt giữa khung hình chữ nhật. Người ta kéo căng tấm lụa bằng sợi dây nối vào xung quanh khung tre. Mẫu thêu được vẽ trên giấy rất nhẹ và mịn được trải trên mặt tấm lụa. Công việc của người thợ thêu đòi hỏi tính kiên trì, khéo léo chân tay và sự thông minh. Vì thế chỉ con trai hay con gái trẻ làm nghề thêu này và thường chỉ là các cháu. Việc thêu là bắt chước đường nét vẽ nhờ vào chỉ thêu đa màu. Chúng ta có thể nhìn ở hình 2 công việc của thợ thêu. Anh ta ngồi trước khung thêu, căng chân khùynh dưới khung. Anh ta chọc thẳng mũi kim vào tấm lụa. Anh kéo mạnh sợi chỉ để cho không phần nào bị chùng. Đây là điều kiện lâu dài của nghề thêu. Bên cạnh người thợ thêu, ta thấy một ngọn đèn. Do cầu nhiều hơn cung nên các xưởng thêu phải làm việc suốt ngày đêm. Đèn làm từ một lọ mực đầy dầu giá 2 xu, trong đó có một chiếc bắc. Chính dưới ánh sáng đèn dầu đựng đưa, bốc khói, khó ngủ, người thợ thêu làm việc. Trong điều kiện hành nghề như vậy, chúng ta thấy rất ít thấy người già trong khi đó, ở các nghề khác, họ tham gia rất thường xuyên.

Nghề thêu thừa là một ví dụ cụ thể về tính sơ sài của kĩ thuật nghề của dân bản xứ nói chung. Ngày trước và bây giờ nữa, vì sản xuất phục vụ khách hàng nghèo nên người làm nghề cần hạn chế tối đa tiền chi phí sản xuất. Nghề thêu thừa theo logic tự nhiên đòi hỏi trình độ của người thợ vẽ. Theo chúng tôi, người đó phải là một nghệ nhân, ở nước chúng ta, đó là một nghệ sĩ. Ở Bắc Kỳ thì không phải như vậy. Người thợ thêu không có một tí thẩm mỹ nào. Anh ta không biết vẽ, ở nhà anh ta có một kho các chủ đề mà anh ta pha trộn một cách vụng về. Mẫu trang trí là những mẫu mà nền văn hóa Trung Quốc đã phổ biến rộng rãi ở xứ này.

Thợ thêu không có cố gắng nào để quan sát và tìm tòi. Từ cha đến con, họ truyền lại cho nhau các chủ đề đã được đặt hàng cho một thợ vẽ. Chúng ta có thể nhìn trên hình 3, một cái mề tinh khôn để tái tạo lại vô vàn chủ đề. Mô hình được đặt trên một giá đỡ ngang bằng tre. Như vậy, nó được chiếu sáng ở phía trên, người ta đặt lên trên đó một tờ giấy Trung Quốc, đôi khi là miếng lụa. Chúng ta biết rằng giấy Trung Quốc trong suốt, người thợ, với chiếc bút vẽ, sao lại đúng mẫu vẽ, chúng ta có thể thấy lại trong chuyên khảo về người làm tranh dân gian An Nam một kĩ thuật khôn khéo như vậy.



HÌNH. 3.— Thợ thêu chép mẫu

## NGHỀ KHÂM TRAI

Chúng ta đang chứng kiến một nghề đã làm cho nhiều người An Nam trở nên giàu có nhanh chóng như nghề thêu. Nghề khâm có lợi thế độc quyền ở vùng Cận Đông. Thực vậy các đồ khâm ở đây chất lượng cao hơn các sản phẩm của thợ khâm ở Quảng Châu. Ở đây cũng như trong nghề thêu, ta có thể tự hỏi sự tiếp xúc của chúng ta thực sự là điều tốt. Tất nhiên đối với nghề khâm trai, chúng ta là một khách hàng giàu có cho phép sản xuất phát triển. Thực tế là phần đông người châu Âu đã đến Bắc Kỳ chỉ có những ý tưởng sơ sài về nghệ thuật và cái đẹp của nghề này. Một người lính của đội quân lần chiếm muốn mang về Pháp vài đồ khâm trai được tặng với giá vài đồng. Người thợ khâm làm việc vội vã, chỉ chú ý nhất đến hình thức bề ngoài của sản phẩm lúc đem bán. Khi trở về Pháp nhiều người hãi sợ thấy rằng các mảnh khâm trai bị long ra. Các đồ khâm trai cũng như những đồ thêu của An Nam đã chứng tỏ sự thiếu giảng dạy nghề. Không có gì “hoàn hảo” cả, nhưng chúng ta thường nói ở Pháp, các đồ khâm trai của An Nam không dùng được. Các chỗ nối không khớp, sau một thời gian tự cong vênh và hỏng, vì thế một vài nhà sưu tầm sau khi trở về Pháp đã dùng cảm nhò thợ người Pháp sửa lại và thay các chỗ khâm trai bị hư. Phần còn lại dùng làm củi đốt sưởi.



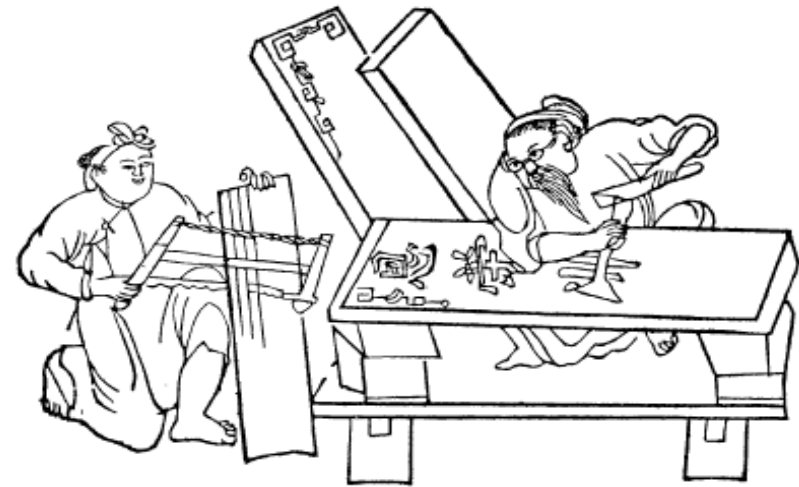
HÌNH. 4.— Cô thợ mài vỏ ốc để khâm

### KỸ THUẬT CỦA THỢ KHÂM TRAI

Nghề khâm trai An Nam là một trong những nghề mà việc phân chia công việc đạt tới đỉnh cao. Người dân An Nam cũng như các dân tộc thời nguyên thủy, nghèo nàn chỉ làm nghề khi có cơ hội vì chỉ làm những nghề phục vụ khách hàng giàu có. Bước đầu tiên của quá trình sản xuất là tìm vỏ trai. Một số ngư dân vùng vịnh Bắc Bộ chuyên làm việc tìm kiếm vỏ khải này. Họ lên Hà Nội và Nam Định bán sản phẩm của mình. Việc đầu tiên là người cắt các vỏ trai thành những tấm rất phẳng mỏng và không có một lỗi nào. Việc này đòi hỏi tính kiên trì và sự khéo tay, thường là do phụ nữ làm. Như ở hình 4, người ta rửa mảnh trai bằng các động tác nhẹ nhàng. Chỉ một chút vụng về có nguy cơ làm cho mảnh trai bị vỡ.

Các mảnh vụn và mảnh hỏng giải thích vì sao các đồ khâm trai đẹp giá đắt. Sau công đoạn này, các công việc tiếp đòi hỏi sự tham gia của hai xưởng: xưởng điêu khắc và xưởng khâm theo đúng nghĩa của nó.

Cần phải nói thêm rằng, nghề này đòi hỏi tập trung vốn vì giá nguyên liệu cao, người chủ phải luôn để mắt đến hai xưởng sản xuất này. Người thợ điêu khắc cắt gỗ để đặt khâm trai vào. Như hình 5 chỉ rõ, công việc này làm giống như thao tác của thợ khắc gỗ bình thường. Bạn đọc có thể xem chuyên khảo về người thợ này. Hình 5 diễn tả những thợ điêu khắc này đang làm câu đối. Câu đối làm bằng hai tấm gỗ quý. Đó là các chữ Trung Quốc thể hiện sự khen ngợi, chúc thịnh vượng, sống lâu. Người ta tặng câu đối nhân dịp lễ sinh nhật, nhân ngày lễ lớn. Người thợ cao tuổi nhất chịu trách nhiệm đục hõm gỗ để đặt các miếng khâm trai, anh ta dùng dụng cụ của người thợ điêu khắc có dáng đặc biệt gọi là cái chàng.



HÌNH. 5.— Chuẩn bị gỗ để khâm

Hình 6 chỉ cho ta thấy công đoạn cuối cùng. Người thợ khâm đang thực sự hành nghề. Anh ta ngồi xổm, theo tư thế bình thường của người bản xứ. Một tay, anh ép mảnh khâm trai, một tay kia anh điều khiển con dao lưỡi bằng giống như con dao xén của thợ làm giấy của chúng ta. Anh ta phải đặt khâm trai vào đúng chỗ mà người thợ điêu khắc đã tạo ra trên gỗ. Mẫu khâm trai không được lung lay.



Người ta cố định nó bằng một loại nhựa đặc biệt, nó không được trôi ra ngoài miếng khâm khi sản phẩm đã hoàn tất. Thao tác này đòi hỏi sự kiên trì và bàn tay nhẹ nhàng, khéo léo.

Một sai sót tí ti có thể làm vỡ mảnh khâm trai và phải làm lại từ đầu. Người thợ khâm trai là một nghệ sĩ thực tài vì chính anh ta phải biết kết hợp màu các miếng khâm làm cho chúng gắn với nhau hài hòa và không làm cho nền khâm bị chướng. Các tác phẩm khâm trai tuyệt đẹp giá trị ở chỗ nó tạo nên sự hài hòa làm sáng lên toàn bộ tấm khâm. Ở cuối hình vẽ, chúng ta thấy một mẫu đồ khâm mà thợ khâm An Nam đang trang trí. Trước hết đây là tủ sách. Bên cạnh là hộp tròn đựng trầu cau và ở phía dưới là một hòm hình chữ nhật để đựng quần áo và đồ quý. Hai trung tâm nghề khâm trai nằm ở Hà Nội và Nam Định. Các chủ của hai trung tâm nghề này đã hốt bạc. Một trong những ông chủ thành thạo nhất, trung thực nhất là ông Hoa Kỳ ở phố Jules-Ferry Hà Nội, sự thông minh của ông đã mang lại những cái tiền đáng kể cho nghề thực sự có tầm cỡ quốc gia của dân An Nam.



HÌNH. 6.—Thợ khâm đang khâm xà cừ

## NGHỀ KHẮC GỖ

Nghề điêu khắc gỗ có tầm quan trọng đáng kể ở An Nam. Người châu Âu đến thăm Hà Nội có thể nhận ra điều này khi dạo phố Hà Nội, cả một phố, nhộn nhịp và hiếu kỳ nhất, phố Hàng Quạt chỉ có thợ khắc gỗ làm việc, nghề khắc gỗ đã tạo nhiều công ăn việc làm ở xứ sở này. Nội thất của các ngôi chùa, các gia đình phong lưu, các đồ thờ tổ tiên đều trông vào nghề khắc gỗ này. Về mặt nghề nghiệp, thợ khắc An Nam tỏ ra thực sự nổi trội. Tất nhiên, ở nghề này cũng như các nghề khác, chúng ta không thấy có sự tìm tòi mới nào “không có tí sinh khí nào”. Ở đây nữa, sự tượng trưng do quân xâm lăng Trung Quốc mang lại được thể hiện qua các mẫu trang trí không thật, mang nặng tính ước lệ. Chúng ta không thấy ở người thợ khắc gỗ An Nam những phẩm chất khiến người thợ khắc gỗ châu Âu trở thành nghệ sĩ.

Người bản xứ chỉ là người “thực hành”. Anh ta hoàn toàn không có hiểu biết về hội họa. Mỗi chủ xưởng sở hữu một sưu tập các mẫu chủ đề trên các tấm gỗ phẳng. Người ta dùng bút để tái tạo lại nó trên tấm gỗ khắc và người thợ khắc vào việc mà không bao giờ rời khỏi các mẫu lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Trong vai trò người thực hành, người thợ khắc An Nam thể hiện các phẩm chất mạnh mẽ đáng ngạc nhiên. Các chỗ lõm, chỗ phẳng được nhấn với sự mạnh mẽ thú vị, mặc dù kĩ thuật và công cụ rất sơ đẳng.



HÌNH. 7.—Khắc đầu tượng Phật

Hình 7 thể hiện người thợ khắc làm việc. Anh ta ngồi trên chiếc phản gỗ, đang khắc đầu bức tượng. Theo thói quen của người bản xứ, anh dùng chân làm mỏ cặp để giữ chặt khối gỗ. Dụng cụ anh cầm theo chiều thẳng đứng là cái chày. Nó gồm hai phần. Phần trên là cán gỗ hình trụ. Phần dưới là lưỡi giống như hình một “cái nạy đinh” (cái chân hươu). Anh điều khiển cái chày, dáng hơi cúi xuống, bằng các động tác nhỏ, dáng lên cán đục bằng chiếc dùi gỗ hình chữ nhật.

Nhờ vào đồ nghề nặng nề, thô kệch, anh ta đã làm được các chi tiết làm cho người châu Âu rất ngạc nhiên. Ở đây nữa, cũng như đối với các nghề thêu, thiết nghĩ nếu phổ biến dạy nghề ở các địa phương thì tốt biết bao. Bốn, năm con trai các ông chủ được gửi đi học ở Pháp sẽ có thể phổ biến rộng nghề điêu khắc này. Trái với các sản phẩm chúng ta xuất đi Pháp để rồi trở lại như “những kẻ bán giấy”, chúng ta sẽ yêu cầu họ thanh toán tiền đào tạo. Nhiều ông chủ nói với tôi mong ước này. Một ngày nào đó nó sẽ được thực hiện.



HÌNH. 8.– Cối chày giã giấy

## NGHỀ LÀM GIẤY

Mọi người đều biết rằng người An Nam và Trung Quốc dùng bút vẽ để viết chữ tượng hình, giấy viết của họ rất đặc biệt. Nó thường là màu vàng, hơi sần sùi, có thể dùng làm giấy thấm. Nó rất nhẹ, dễ uốn cong mà không bị rách, ngược với giấy châu Âu. Giấy của người An Nam sản xuất gồm sợi của vỏ cây gọi là cây gió. Đây là một loại cây thụ hương. Giá trị tiềm ẩn của giấy này là nó có thể tồn tại hàng trăm năm ở nước mà khí hậu khắc nghiệt và côn trùng cũng không tha.

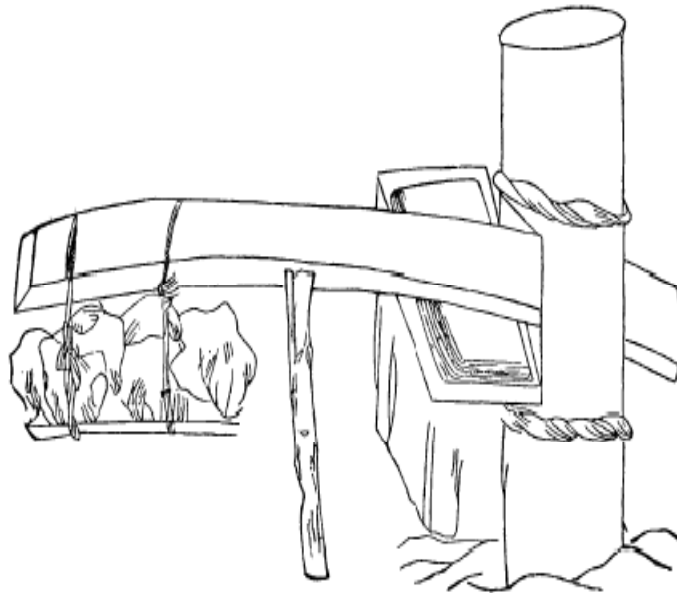
Nghiên cứu sản xuất loại giấy này rất hay. Cũng như các nghề khác ở An Nam, chúng ta thấy ở đây xưởng sản xuất gia đình. Ở đó, người phụ nữ giữ vị trí hàng đầu mà người khách du lịch cho là duy nhất ở Cận Đông. Trong khi người đàn ông làm mọi việc đòi hỏi sức khỏe thì người phụ nữ chuyên làm các việc đòi hỏi sự kiên trì, mềm dẻo và khéo léo chân tay. Làm giấy, công việc tự nhiên trong một xứ sở nơi mà các phường nghề vẫn dai dẳng tồn tại ngoài ảnh hưởng tai hại của chúng ta, được đặt trong một làng lớn, Làng giấy, có nhiều ấp, nằm ở cửa ô Hà Nội. Sự có mặt của chúng ta ở xứ này, cùng với nền giáo dục Pháp - An Nam đã làm nghề giấy bị ảnh hưởng tai hại, giấm sút. Chúng ta lấy làm tiếc vì không có nhà công nghiệp Pháp đến đây để làm đổi mới đồ nghề này bằng số tiền ít ỏi. Có thể ông ta sẽ tìm thấy một khu công nhân đã được hình thành. Nơi đây, cùng với một nguồn nhân lực có kinh nghiệm, ông ta vừa tiếp tục làm giấy bản xứ, vừa tiến hành sản xuất hộp và giấy hộp mà chỗ làm đã được bảo đảm ở châu Âu và ngay cả ở Viễn Đông.

### KỸ THUẬT LÀM GIẤY

Việc làm giấy được chia làm hai giai đoạn riêng biệt. Ở giai đoạn đầu, người đàn ông làm một mình. Ở giai đoạn sau, người phụ nữ giữ vai trò chủ yếu. Thao tác đầu tiên gọi là chuẩn bị bột giấy, thao tác thứ hai là gia công bột giấy.

Vỏ cây được mua từ vùng núi cao. Nó phải trải qua hàng loạt công đoạn chuẩn bị, chủ yếu là nó được ngâm trong bể nước vôi và ủ thối trong một hồ với độ nóng được duy trì thường xuyên. Sau hàng loạt thao tác trên, người ta đưa nó vào trong chiếc cối để giã nhỏ. Hình 8 thể hiện người thợ giấy đang làm việc. Công việc nặng nhọc này cần đàn ông. Cái cối giã là một khối gỗ dài hình trụ. Phía trên có đường kính nhỏ hơn phía dưới, người thợ cầm phần trên này bằng hai tay, nó được cố định bằng dây tre dẻo để đỡ đối trọng do tảng đá lớn tạo ra.

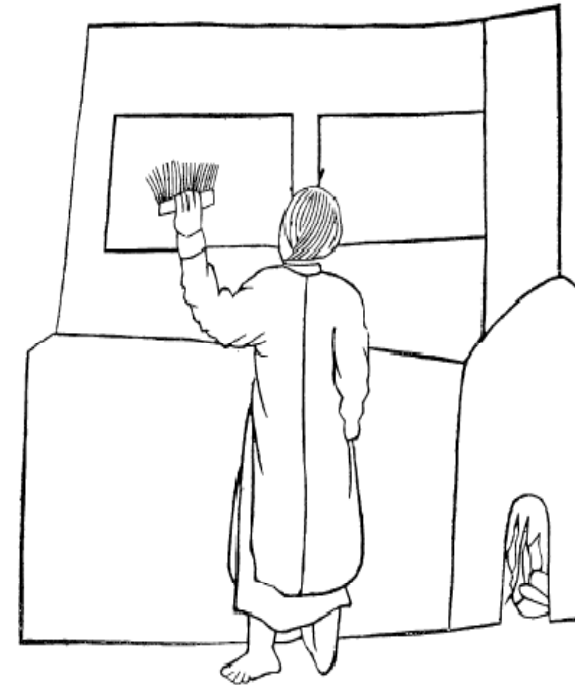
Khi vò giấy đã được nghiền kĩ, người ta để nó vào một chậu nước. Ở đây, người thợ đập mạnh để trộn kĩ nó với nước. Tóm lại, chính bột của hợp chất này được dùng để làm ra giấy mỏng theo khuôn đặt trên khung hình chữ nhật. Đến lúc này, bắt đầu, công việc của người phụ nữ. Với chiếc khuôn tre đan mỏng hình chữ nhật, chị chao từ một hai ba lần trong chậu tùy theo độ dày mỏng. Chị đưa tấm khuôn từ phải sang trái cho đến khi bột giấy được tạo ra ngay lúc tấm phen tiếp xúc với không khí. Các tờ giấy được xếp chồng lên nhau để nhỏ giọt cho ráo nước. .



HÌNH. 9.– Dụng cụ ép giấy

Về việc ép giấy, người An Nam dùng một công cụ thể hiện rõ nghề này vẫn còn mang tính “nguyên thủy”. Hình 9 thể hiện cách ép giấy này. Đó là một thân gỗ chôn chặt dưới đất. Ở giữa thân gỗ có luồn một chiếc xà dài. Ở phía dưới xà gỗ, người ta đặt một tấm ván gỗ trên một chồng các tờ giấy. Người ta bỏ đi giá đỡ chiếc xà. Hai hòn đá to buộc ở một đầu xà và khi cần, trọng lượng của một hay hai người đàn ông tạo nên lực ép. Với dụng cụ nén này, phần thừa thẹo rất nhiều. Thiết nghĩ, chỉ với một ít tiền sẽ dễ dàng cải tiến, thay đổi đổi máy ép giấy này. Sấy khô giấy là công đoạn kết. Việc này do phụ nữ hay các cô gái trẻ làm.

Trong nhà thợ làm giấy, ta thấy có một gian dành làm lò sấy giấy. Nó được làm bằng gạch, phủ một lớp xi măng nhẵn. Ở bên trong, như ta có thể thấy ở hình 10, có một cửa mở trong đó người ta duy trì ngọn lửa vừa phải, thường là lửa rơm. Chính ở bề mặt bên ngoài, người ta dán các tờ giấy còn đang ẩm. Người ta dùng một cái chổi mềm làm từ lá cây thông. Cách này cũng gây ra nhiều giấy vụn thừa.



HÌNH. 10.– Sấy giấy bằng lò sấy

## CÁC NGHỀ PHÁT SINH TỪ GIẤY

Chất lượng giấy của người bản xứ đứng hàng đầu cho dù về bên ngoài màu hơi vàng và khá mềm mại tạo ra cảm giác không tốt đối với người châu Âu ít sành điệu. Do vậy, từ giấy đã sinh ra hàng loạt các nghề rất li kì, chúng tôi sẽ kể ra đây hai nghề sản xuất tán che và quạt giấy.

### LONG

Đây là nghề bị chúng ta làm suy tàn.

Sự xâm nhập của cái ô che nắng che mưa làm bằng vải sợi bông của Đức với giá 1,25 frăng đã làm cho nghề làm tàn long bị tàn lụi. Ngay cả các quan đương chức khi không đi theo đoàn sang trọng vẫn dùng cái tán che vì nó là biểu hiện của chức tước. Người ta biết được cấp bậc của một công chức bản xứ nhờ vào số tán thấp từng vị quan này. Một quan tổng đốc thường có bốn tán che đi kèm. Tán che làm bằng khung tre giống như gọng căng những chiếc ô của chúng ta. Khung tre được bọc bằng giấy không thấm nước nhờ vào nước của cây cay. Tán che được sơn nhiều màu sắc sỡ, thường là màu xanh lá cây. Ta có thể nhìn trong hình 11, người thợ đang trang trí cái tán che. Các mẫu trang trí mà người thợ đang vẽ rất cổ điển, hình vân mây.



HÌNH. 11.— Tô vẽ hình trang trí long

### QUẠT GIẤY

Ở Bắc Kì, hình như người bản xứ cũng phải chịu đựng khí hậu như chúng ta. Mùa hè, chưa bao giờ chúng ta nhìn thấy người An Nam nào không cầm chiếc quạt trên tay. Những người thợ phụ giắt quạt vào thắt lưng hay cài vào khăn quần trên đầu. Giá tiền chiếc quạt quá rẻ đủ cho thấy nó thông dụng biết chừng nào. Giá chỉ từ hai ba xu tiền An Nam nghĩa là một xu rưỡi tiền Pháp. Tre giữ vai trò quan trọng trong sản xuất quạt. Đó là “khung” quạt. Hình 12 thể hiện thật nhất việc làm quạt.



HÌNH. 12. Làm quạt

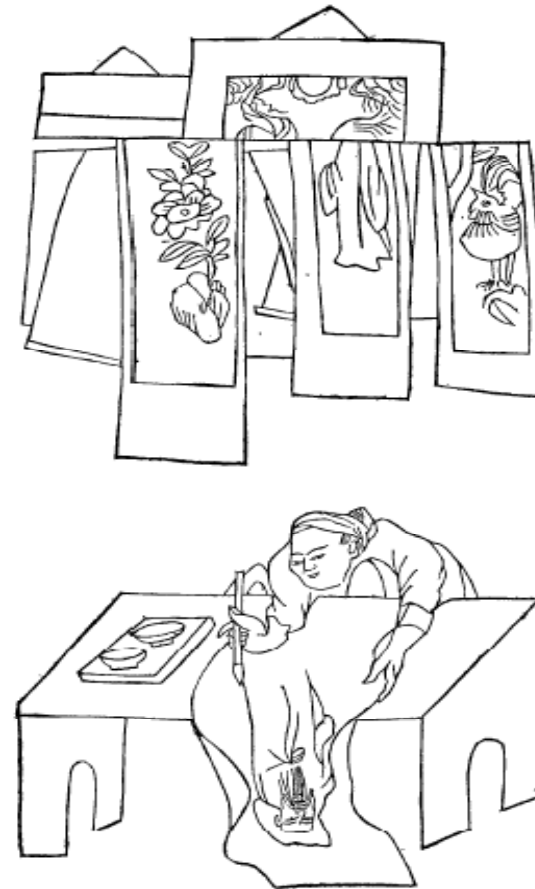
Trước mặt người thợ, khung quạt được xòe ra. Người thợ đang trải giấy lên các dải quạt. Để làm quạt, người thợ dùng giấy vờ của học trò hay các sách lẻ bộ. Bên cạnh người thợ ta thấy một bút vẽ hay một cái chổi xòe rộng, dùng để phết còn dán. Lông chổi làm bằng lá cây thông rất mềm dẻo

### TÔ HÌNH TRANG TRÍ SÁCH

Làm tranh màu là nghề khá quan trọng ở xứ An Nam. Nếu như văn học viết An Nam còn nghèo nàn, tầm thường đến thất vọng, trái lại văn học dân gian “tượng hình” lại rất phong phú. Dĩ nhiên, ở đây cũng như ở khắp nơi, ảnh hưởng của Trung Quốc dễ nhận thấy dù ảnh hưởng này đang suy giảm như nhiều nghề khác. Khách hàng giàu có thuộc nhiều thành phố đông dân Trung Hoa không gặp nhau ở đây.

Dân tộc An Nam bị nghèo khổ từ nhiều thế kỉ nay. Đó là một đất nước của những người nông dân chỉ quen mua rẻ. Vì vậy chất lượng làm tranh dân gian được cảm nhận rất rõ. Điều ngạc nhiên là những thợ tô chữ, trang trí sách không biết vẽ. Ta hãy xem họ làm việc thế nào. Chủ đề của họ rất hạn chế. Họ nhờ một thợ vẽ bản xứ tái tạo lại mẫu. Việc tái tạo này được gửi đến người thợ khắc gỗ, anh ta chuẩn bị bản in nổi. Người thợ tô vẽ hàng tá mẫu bằng mực đen trước.

Việc của người thợ này là quét các màu lên các mẫu đó. Tranh dân gian An Nam được trình bày dưới dạng lắp ghép các màu mạnh, tương phản. Người ta thấy ở trong tranh sở thích các màu sắc sỡ được xuất hiện trong nhiều công trình xây dựng của đất nước. Hình 13 thể hiện người thợ tô vẽ tranh. Anh ta đang dùng bút nhấn các nét của ông lão. Phía trên anh ta treo các bức tranh anh vừa tô xong để hong khô. Các bức tranh dùng để thờ nhưng nhiều bức dùng để trang trí nhà. Người ta thấy các bức tranh này ở nhà những người nghèo nhất.



HÌNH. 13.— Người thợ tô vẽ tranh

### NGHỀ IN BẢN XỨ

Ta biết rằng chữ viết của các dân tộc có nền văn minh xuất phát Trung Quốc là chữ viết tượng hình. Người Trung Quốc dùng các kí tự động để in sách. Chỉ có sách Trung Quốc in tại các nhà in châu Âu được xuất bản theo cách trên. Dưới đây ta xem người Trung Quốc và An Nam làm như thế nào để in ra sách. Một người giỏi thi pháp viết lên tờ giấy bản xứ. Giấy này trong suốt, như ta đã thấy. Các tờ sách được giao cho một thợ khắc gỗ. Người thợ này dán các tờ sách lên một tấm gỗ rất cứng gọi là gỗ thị. Loại gỗ cứng này không bị côn trùng làm hỏng. Gỗ này tạo ra bản in rõ nét, ăn mực rất đẹp. Một ít dầu bôi trên tấm gỗ làm hiện ra các nét chữ chưa rõ. Người thợ bắt đầu loại bỏ các phần trắng. Tấm gỗ được giao cho thợ in. Phần lớn các nhà in được đặt trong nhà chùa. Lợi thế lớn của nhà in không phải trả tiền thuê chỗ và có thể tập hợp các thiết bị công kênh mà không phải lo lắng cho ngày mai.



HÌNH. 14.—Người phụ nữ đang in

Chính những phụ nữ được huy động in các sách rẻ tiền. Đàn ông in các sách kinh điển đắt tiền, rất đẹp được dùng trong các nhà tu của Phật. Hình 14 chỉ rõ cách mà người ta in. người phụ nữ ngồi xồm dưới đất. Phía trước là một cái bàn gọi là yên. Nhờ vào một tấm gỗ, trên đó chị ta đặt nhẹ nhàng tờ giấy, sau đó, chị xoa nhẹ lên mặt giấy với chiếc “bàn chải-giẻ lau” làm bằng xơ mướp. Người thợ khéo léo dùng mực tàu và làm ra bản in không phai, với độ lẫn mực tuyệt đẹp. Tất cả những ai đã in các văn bản Trung Quốc biết rằng các ấn phẩm này bền lâu mà giấy làm bằng bột gỗ của chúng ta sẽ không bao giờ đạt được.

### NGHỀ THỢ CẠO

Chỉ từ khi Pháp chiếm đóng người ta mới thấy có các cửa hiệu cắt tóc. Thực vậy, dân An Nam nghèo đến nỗi người ta ít để ý đến bề ngoài, nên nghề thợ cạo là nghề của người kiếm ăn nhỏ, phải đi từ nhà này đến nhà khác để nhặt nhanh vài đồng xu cần thiết cho sự sống.

Chúng ta nhớ lại rằng người An Nam cho đến năm 45, không có râu. Như một tục ngữ của họ nói “Lông mọc ở cằm” là một dấu hiệu của tuổi già. Mặt khác, dân bản xứ ai cũng đều búi tóc. Họ chỉ chấp nhận cắt tóc khi bị bệnh nặng, bị sốt cao chẳng hạn, hay khi họ nổi loạn như vụ An Nam (1907).

Thế nhưng thể hệ mới cấp tiến hơn và những người cắt tóc, mặc quần áo châu Âu ngày càng nhiều. Sự cần thiết của cuộc sống buộc những thợ cạo lưu động kiêm thêm nghề nắn xương cổ truyền. Họ làm cả nghề tắm quất, lấy ráy tai.

Như hình vẽ thể hiện. Họ phiêu lưu một cách đáng thương trong một xứ thường xuyên, có bệnh đau mắt và họ phải lau rửa mi mắt. Vì thế viêm mắt không phải là trường hợp riêng biệt. Số người khiếm thị rất nhiều ở đất nước này. Thật vậy, đa phần họ hành nghề như những phù thủy và có cuộc sống đảm bảo.



HÌNH. 15.—Người thợ cạo

## BÀ BÁN TƯƠNG

Cuộc đấu tranh sinh tồn rất dữ dội ở đồng bằng Bắc Kỳ đất chật, người đông. Lũ lụt, thu nhập thấp, công việc nhà nông cực kì vất vả, người phụ nữ phải đầu tắt mặt tối suốt ngày đã gây ra một hiện tượng kì lạ ở đây: sự manh mún, tản mạn của các ngành nghề và của ngành thương mại đã hình thành tiểu nghề và buôn bán nhỏ.

Có thể nói rằng, ở Hà Nội mỗi loại thực phẩm, mỗi hoa quả đều có người bán riêng, đoàn người sống trên các phố của thành phố An Nam rất đông. Các phu đẩy xe, nhất là những người lao động trên sân ga tăng nhanh từ khi chúng ta đến xứ này.

HÌNH. 16.– Bà bán tương

Hình vẽ thể hiện một loại nghề của những người bán hàng rong từ sáng đến tối, họ đi từ nhà này đến nhà khác. Nghề bán tương, một loại gia vị rất ưa thích của người An Nam. Nói ngắn gọn là cũng như nước mắm, đây là loại gia vị làm từ gạo được ủ lên men.

Đồ nghề chỉ là chiếc đòn gánh bằng tre, hơi cong mà người bán hàng để cân trên vai. Mỗi đầu đòn gánh mắc một chiếc quang làm bằng bốn dây mây nối với đế hình tròn ở dưới. Trên mỗi quang, người ta đặt một hũ tương.

Chúng ta hãy để ý động tác rất điển hình của đàn bà bán tương. Một tay đặt trên đòn gánh, tay kia giữ một chiếc quang đằng sau để tránh cho khỏi bị lắc mạnh.

Chị gánh hàng đi rất đặc biệt. Chị đi như giật nảy, mạnh mẽ, cuồn cuộn nếu có thể nói như vậy.



## NGHỀ CHỮA ĐỒ LÀM BẰNG TRE

Một số khách du lịch khẳng định rằng nhu cầu của người An Nam không nhiều, nói rõ ràng quả quyết như thế không chính xác hoàn toàn. Cần phải nói thế này: người An Nam sống trong một xã hội nghèo và bết tắc không có của cải nhiều, vì thế sự nghèo túng buộc họ phải giảm tối đa nhu cầu của mình. Thực tế, dân An Nam tiêu hoang.



HÌNH. 17.– Thợ sửa đồ bằng tre

Những người buôn bán hàng châu Âu sống ở đô thị nhận rõ điều này. Nếu như phần đông dân An Nam không có của cải bằng bạc, cần phải nói rằng họ cũng biết tận dụng tài nguyên thiên nhiên sẵn có. Vì thế, tre được sử dụng một cách kì diệu. Bên bờ sông Hồng, một số nhà được làm không chỉ toàn bằng tre mà nội thất cũng được chế từ tre rất công phu như phản, đồ đựng, giát giường, v.v....

Ở Hà Nội có những thương nhân chuyên sản xuất, bán lẻ đồ bằng tre. Như vậy đã tạo ra rất nhiều nghề nhỏ. Nghề hay nhất là nghề sửa chữa đồ làm bằng tre. Giống như nghề sửa bát đĩa và đồ sứ ở nước chúng ta. Đây là nghề rong. Đồ nghề rất đơn giản, chỉ là các đòn ống bằng tre. Anh ta vác đòn ống trên vai. Ở đầu đòn ống treo một cái bồ đan bằng cật tre. Chính trong chiếc bồ này anh ta đựng đồ nghề

## NGHỀ CHUYÊN CHỞ

Ngay từ khi chúng ta xâm chiếm xứ sở này, có thể nói rằng hệ thống đường xá chưa có ở Bắc Kì. Nhiều sự việc giải thích tình trạng của các công cụ tồi tàn này. Ta hãy kể ra đây vài thí dụ: ở vùng đồng bằng, đá hiểm và đất, mưa dầm dội và ngập lụt triền miên rất không thuận lợi cho hệ thống đường bộ. Cần nói thêm rằng mạng lưới đường sông đáp ứng đầy đủ nhu cầu nghề của người An Nam trước khi chúng ta đến đây. Số lượng phương tiện giao thông ở xứ sở này không nhiều.

Chúng ta có thể kể ra ba phương tiện chính:

1° Xe lộn vì nó dùng để chở lộn ;

2° Cái đòn gánh. Đây là gậy dài bằng tre đặt lên vai để gánh. Ở mỗi đầu đòn gánh người ta mắc vào một chiếc quang để một người gánh. Nhưng đối với vật nặng, thì hai người dùng đòn gánh khênh hai đầu.

Nhưng phương tiện giao thông thực sự dùng chở đồ nặng là cái thuyền nan.



HÌNH. 18.—Phương tiện giao thông đường sông

Trên hình vẽ thể hiện rõ. Ở đây chúng ta thấy người ta điều khiển thuyền ra sao. Ở cuối thuyền, một người đàn ông đẩy chiếc tàu chạy dọc bờ sông. Người phụ nữ lái mái chèo ở phía trước thuyền. Người ta thường đứng chèo thuyền. Họ sử dụng trọng lượng cơ thể. Ở giữa thuyền có mái che hình bán nguyệt. Đây là tấm phên tre đan, dưới mái phên vợ chồng, gia đình nhà thuyền chung sống. Phải nói thêm rằng người chèo thuyền cũng là người đánh cá. Khi không chuyên chở thì họ đánh cá. Vì thế họ luôn bảo đảm cuộc sống gia đình. Ở xứ sở này, có nhiều cầu và sông, vì thế đường bộ hay bị cắt bởi con sông. Ta có thể thấy nhiều chỗ tập trung của người đánh cá. Họ sống bằng tiền chờ khách qua sông.

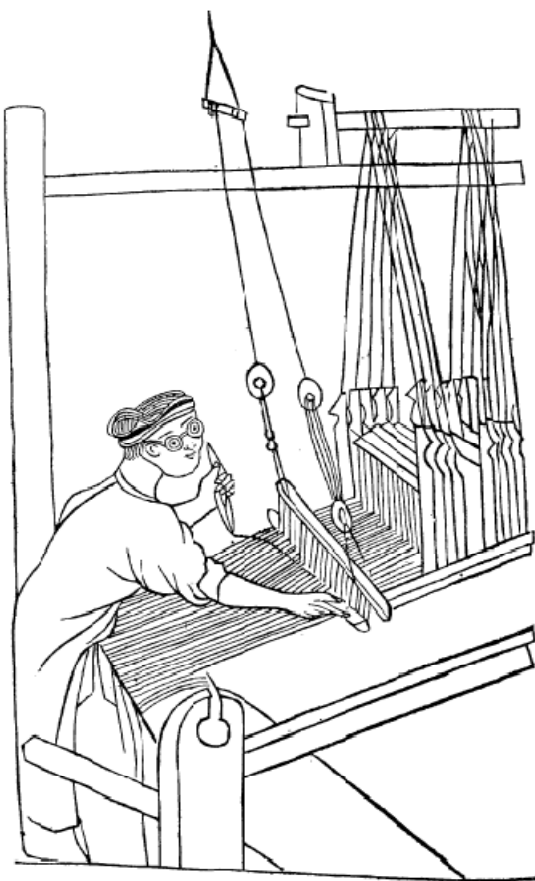
## NGHỀ MAY MẶC

### TƠ LỤA

Nghề dệt lụa là nghề mang tính gia đình được xứ sở này khuyến khích phát triển. Trên thực tế, nghề này tuân theo kiểu nghề làm trong phân xưởng chung. Đây là hình thức mà chúng ta cần phát triển ở xứ này, nó không tách con người ra khỏi mảnh đất quê hương, không làm đảo lộn tổ chức gia đình mà làm thay đổi tổ chức làng xã. Ngoài ra, tiêu thụ sản phẩm được bảo đảm với giá hời. Người Trung Quốc hiểu rất rõ điều này. Cũng như đối với các nghề khác, vai trò của các ông chủ xưởng nói chung rất quan trọng.

Một số ngày, người ta thấy trên các phố Hà Nội nhất là phố Hàng Đào, đầy những người từ miền quê lên. Họ mang trên vai chiếc ba lô đựng cuộn tơ, sản phẩm của nửa tháng lao động. Phần lớn tơ này được xuất đi Trung Quốc, sang Quảng Châu, từ đó lại được xuất đi châu Âu dưới tên tơ lụa Trung Quốc. Các nhà xuất khẩu của chúng ta chắc biết rõ cách làm ăn này và cũng kiếm được lời đáng kể. Nghề tơ lụa rất dễ chịu tăng lên và phát triển khá nhanh. Quanh Hà Nội, hàng năm, ta thấy số lượng người làm nghề này tăng lên. Sự phát triển nghề không chỉ dừng ở một tỉnh mà lan rộng khắp Bắc Kì. Chính phủ hiểu rõ tầm quan trọng của nghề này để tăng của cải cho đất nước và khuyến khích phát triển nghề. Chính phủ đã lập ra ở phủ Lạng Thương một cơ sở nuôi tằm. Người ta đang cố tạo ra loại tằm bản xứ, giống cây dâu được cấp phát miễn phí. Việc tả chi tiết nghề này sẽ là rất dài mặc dù kỹ thuật nghề còn rất sơ khai. Hình 19 thể hiện khung dệt lụa. Nó rất phức tạp, cũng như nhiều nghề khác, vai trò của người phụ nữ là hàng đầu. Tuy nhiên, đối với thao tác nghề, người đàn ông giữ vị trí nổi trội nhưng do công việc mệt nhọc buộc người phụ nữ phải tiếp sức.





HÌNH. 19.– Khung dệt lụa

## NGHỀ NHUỘM

Nhiều người Pháp đến nước này, sau khi đọc nhiều sách nước ngoài với cách diễn tả nhiều màu sắc bị vỡ mộng trước khung cảnh mà người dân Bắc Kì tạo ra cho họ. Người vô sản ở đây nghèo từ ngày xưa ngày xưa. Anh ta không có hoặc chưa bao giờ có thị hiếu về cái đẹp. Anh ta có đầu óc vụ lợi. Màu quần áo của dân mặc rất xin nhưng tiện dụng. Đây là màu nâu, vượt trội hơn màu quần áo Anh Quốc mà Edmonde de Goucourt ghét cay ghét đắng. Tuy nhiên, màu nâu này làm từ củ nâu (họ củ) không bao giờ phai. Màu này hơi bẩn, ít bị thấm nước.

Thợ nhuộm là nghề rong, họ nhuộm những tấm vải rời, tấm vải sang trọng. Những thợ nhuộm tại chỗ chỉ nhuộm những tấm vải bông thông dụng, áo củ nâu: họ tập trung ở Hà Nội, tại phố Sinh Từ. Kỹ thuật nhuộm rất đơn giản, thuốc nhuộm lấy từ lá cây. Các tấm vải được nhúng vào thùng thuốc nhuộm nhiều lần. Sau mỗi lần nhuộm vải được phơi nắng. Người ta trải căng tấm vải nhuộm trên đất, thao tác cuối cùng làm cho màu nhuộm không phai là đập vải. Thao tác này được thể hiện ở hình 20. Cuộn vải được đặt lên trên phiến đá. Người thợ dùng chày đầu tròn gọi là vỗ tẩy. Đập vải xong, người thợ tháo cuộn vải ra và trải tấm vải trên khung tre ngang mà ta nhìn thấy ở phía trên.



HÌNH. 20.– Người thợ nhuộm đang đập vải bông

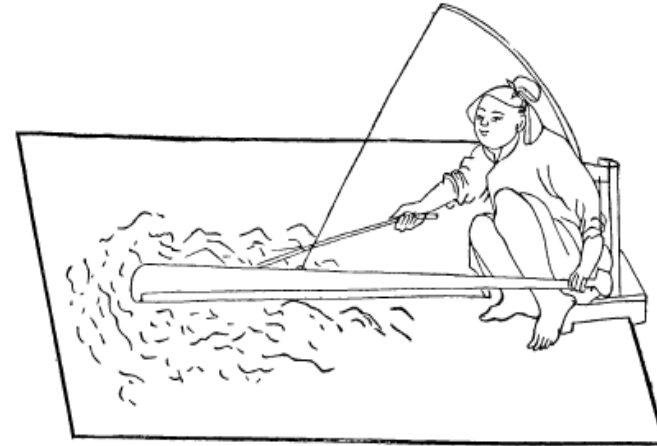
## NGHỀ LÀM QUẦN ÁO MÙA ĐÔNG

Ở Bắc Kì, có “mùa đông”. Mùa này kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3. Bao trùm lên mùa đông đó là sương mù, mưa phùn, mưa nhỏ dầm dề nhiều ngày. Lúc đó nhiệt độ xuống tới 8, 10 hay 12 độ C. Đây là thời điểm mà những người xuất cư mới đến đây. Nó tạo ra cho những người thực dân cũ cảm giác lạnh. Một số bị ốm vì lạnh và thích khí hậu nóng của Nam Kì hơn. Chính dân An Nam cũng kêu ca về cái lạnh mùa đông. Ở mùa này, phong cảnh rất đẹp đối với nhà quan sát. Những người nghèo khổ mặc hết quần áo lên người, gồm bốn đến sáu quần áo rách, vá chằng vá đụp. Vì thế, chúng ta thấy ở trên phố hàng đoàn người ăn mặc thảm hại. Tầng lớp tư sản đắp trên mình bộ quần áo bằng tơ lụa chắc nịch đệm bông, Đồ dạ, len Pháp bắt đầu xuất hiện nhưng chỉ có một số phiên dịch giàu có, hãnh tiến mới sắm được đồ này.

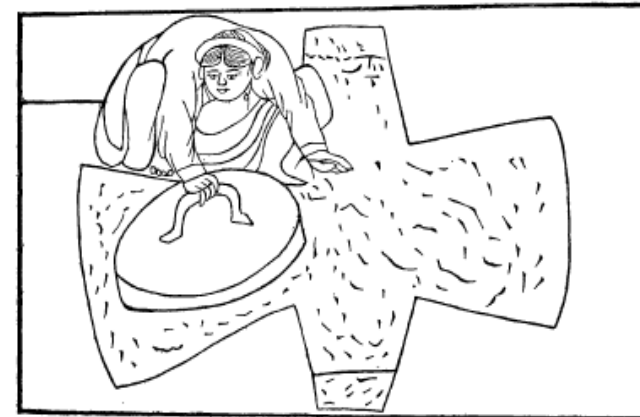
### KỸ THUẬT

Người sản xuất đồ làm bằng bông tại phố Hàng Bông Hà Nội. Đây là những nhà tư bản nhỏ tương đối khá giả. Bởi vì buôn bán này đòi hỏi một nhân lực đặc biệt và hàng loạt các thao tác mất thời gian. Hình 21 và 22 cho chúng ta một vài mẫu. Trong hình 21, một người thợ đang đập bông, một thao tác ban đầu rất chậm. Người thợ ngồi xổm dưới đất. Bông được trải ra trên miếng vải hình chữ nhật. Dụng cụ của thợ bông gồm ba phần: Phần đầu là các cán dài đặt ngang phía trên nền nhà. Ở phần giữa, một dây kim loại rất chắc nối với cái cán bằng tre gắn vào tấm gỗ để dưới đất. Người thợ đầu đội mảnh vải tránh cho tóc bị bụi bám ngồi xổm trên tấm gỗ. Một tay, anh cầm cán dài để điều khiển dây trên mặt bông, một tay kia cầm chiếc gậy mảnh đập vào dây kim loại. Dưới rung động của dây, các sợi bông dẫn ra rất nhanh, thao tác này gọi là đập bông.

Trong nghề khá tinh tế này, vai trò của phụ nữ rất đáng kể. Hình 22 thể hiện rõ điều này. Một người thợ nữ làm áo bông cầm miếng vải hình chữ nhật trải lên trên nền nhà. Chiếc áo mở được đặt lên trên và bông được nhồi vào bên trong. Thao tác này là trải đều bông càng nhiều bông càng tốt vào một thể tích nhỏ nhất. Chị dùng một tấm gỗ nặng, mặt dưới của nó rất nhẵn. Mặt trên có tay cầm hình bán nguyệt được gọi là cái tay co. Chị đưa tấm gỗ từ chỗ này đến chỗ khác và dùng trọng lượng cơ thể tạo nên lực ép mạnh. Thao tác này gọi là “là áo bông”.



HÌNH. 21.– Đập bông



HÌNH. 22.– Người phụ nữ đang ép bông

## NGHỀ THỰC PHẨM

### NGHỀ BÁN THỊT

Ở An Nam cũng như ở Trung Quốc, dân thường hay ăn chay. Đồ ăn chính là gạo. Vì thế thịt chỉ là gia vị cho cơm mà thôi. Điều này thực sự đúng đối với tầng lớp dân nghèo. Việc thiếu gia súc giải thích vì sao giá thịt khá cao. Cần nói thêm rằng ở nông thôn, nuôi lợn dễ dàng và ít tốn kém tạo ra sự bù trừ. Ta có thể nói rằng thịt là món ăn sang trọng đối với dân An Nam. Chỉ cần tham dự vào bữa ăn ngày tết đủ để cảm nhận được điều này. Từ khi chúng ta đến đây, sự thoải mái thật sự và việc tập trung dân số mà chúng ta tạo ra ở trong các thành phố đã góp phần phát triển nghề bán thịt. Ta đều biết rằng thuyết nhà Phật ít nhiều còn đang tồn tại trong linh hồn của người An Nam, họ bài xích nghề bán thịt. Khi xuống địa ngục, các đồ tể này sẽ phải chịu nỗi khổ mà họ đã gây cho các sinh linh ở trần gian.

Dù thế nào đi nữa, nghề bán thịt được chia làm hai loại chính:

1. Nghề bán thịt bò, thịt trâu. ;
2. Nghề bán thịt lợn



Chúng ta không nói đến nghề thịt chó. Loại thực phẩm này là của người sành ăn, tinh tế, nhưng đối với chúng ta đây là “hủ tục đồi bại”. Một trong những tội lỗi lớn nhất là sau khi ăn thịt chó lại đi chùa.

HÌNH. 23.– Mổ trâu

Các dụng cụ dùng để giết súc vật rất sơ khai. Chúng ta xem trên hình 23, cách hạ gục con trâu. Người ta cần bốn người để giết một con trâu tương đối khỏe. Thực ra con vật này có tầm quan trọng hàng đầu đối với người nông dân An Nam, người ta chỉ thịt trâu khi nó bị bệnh hay già quá. Không có trâu, công việc cấy bừa, ruộng bừa nhà nông khó kham nổi.

Người ta trói chặt bốn vó trâu lại và vật nó nằm ra đất. Một người dùng hết sức kéo cái đuôi để nó không giãy. Một người khác giữ chặt đôi sừng. Người thứ ba dùng trọng lượng cơ thể ép chặt mõng con trâu. Người thịt trâu đưa chày đựng tiết và dùng con dao nhọn chọc vào phía dưới tai con trâu. Người ta không biết cách giết trâu bằng cú đập mạnh.

Thịt lợn rất độc đáo như ta nhìn thấy trong hình 24. Con lợn mà người dân An Nam nuôi là con quái vật thật sự: bốn cẳng thấp tẻ, cái bụng to phình xệ xuống đất rất khó đi lại. Để chuyên chở lợn, người An Nam chới chặt bốn cẳng nó lại, luồn chiếc gậy dài dưới bụng xuyên qua bốn cẳng như ta nhìn thấy trong hình 24. Cái đòn tre được cột chặt bằng lát, cuốn quanh con lợn như vành đai chiếc thùng tròn. Bị buộc chặt như thế, con lợn không tài nào giãy giụa được.

Người ta chở nó đến chợ như chở một thùng đồ bình thường. Người ta chắt lợn như thế lên thuyền hàng, lên xe đẩy. Khi đến lò mổ, người ta đặt con lợn lên chiếc chõng tre, buộc mõm cẩn thận. Người thịt lợn đẩy chiếc chày đến gần để đựng tiết và làm thao tác như người thịt trâu. Con lợn không bị đập chết mà bị giết chết.



HÌNH. 24.– Mổ lợn

## CHẾ BIẾN GẠO THÀNH THỰC PHẨM

### NGHỀ GIÃ BÁNH GIÀY

Ở An nam, nhiều người bị đau dạ dày, bệnh này cũng không tha người châu Âu. Vì thế, nghề được phẩm An Nam có nhiều liều thuốc hay trị bệnh này. Trước cả chúng ta, người An Nam dùng các biện pháp phòng ngừa đang được nhân rộng ở châu Âu: chỉ ăn các thức ăn dễ nhai, dễ tiêu hóa. Chúng ta biết rằng cơm rất dễ tiêu hóa. Nấu chín bằng hơi, như người An Nam vẫn làm, cơm không cần phải nhai lâu. Tốt hơn nữa, có nhiều nghề chế biến thực phẩm biến gạo và thịt thành phở và nước dùng. Dù là gạo hay thịt, kỹ thuật chế biến giống nhau, chúng ta thấy rõ điều này trên hình 25.



HÌNH. 25.— Giã bánh dày

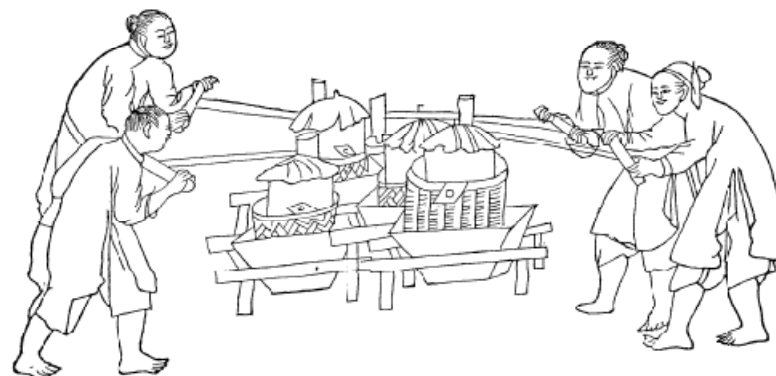
Trước hết, cơm được nấu chín bằng hơi. Người ta dùng loại gạo đặc biệt gọi là gạo nếp. Cơm nếp được rải lên tấm đệm trên sàn nhà. Tấm này được căng và buộc chặt vào bốn cọc cắm sâu vào đất. Người thợ dùng cái chày bằng gỗ cứng hình trụ. Ở phần giữa, người ta khoét lỗ sâu để dùng chày bằng hai tay. Cả hai đầu chày hình chỏm cầu. Để tránh hư hỏng, sau khi giã

bánh giầy, người ta gói bánh bằng lá chuối, buộc chặt bằng lạt rang. Thợ giã vừa giã bánh giầy vừa hát theo nhịp của mình. Bánh giầy được làm về đêm để người bán bánh rong có thể giải hàng trong thành phố từ sáng sớm.

### LÀM BỘT GẠO

Bột gạo giữ vai trò chính trong việc làm bánh ngọt ở An Nam dù nó không ngon lắm. Người Trung Hoa làm chủ các tiệm ăn sành điệu là những người làm bánh ngọt cho khách hàng bản xứ phong lưu. Họ dùng bột mì như ở nước chúng ta. Bánh ngọt An Nam không phong phú, chủ yếu là sự pha trộn thô - đường kính và bột mà thôi. Mỗi cửa hàng bánh An Nam có cách làm bột bánh riêng. Thường thì con trai không làm bánh gatô mà xay bột. Ở trong các hiệu làm bánh ngọt phát đạt, người ta thấy có nhiều cối xay bột, điều rất li kì là nhiều người mù, tầng lớp “cận bã của xã hội” được sử dụng để làm việc này. Thực ra cuộc đấu tranh sinh tồn rất gay gắt ở vùng đồng bằng quá đông dân này, giá bán hàng hóa rất thấp, nhu cầu cuộc sống bị giảm tới mức tối đa nên người ta phải bóc lột cả trẻ em và người già.

Tả việc xay bột rất phức tạp, đây là các cối xay đá trong đó người ta đổ gạo vào, hạt gạo rơi xuống thớt cối nghiền xoay tròn nhờ một dây cái tràng cối từ xa. Người mù cầm cái tràng cối bằng hai tay. Một động tác đẩy, kéo từ sau lên đằng trước đủ làm cho cối xoay tròn. Bột rơi vào trong hộp gỗ để ở dưới cối (xem hình 26).



HÌNH. 26.— Người mù xay bột gạo

## NGHỀ ĐÁNH CÁ

Công việc đồng áng đòi hỏi nước đầy ruộng ít nhất nửa năm. Chỉ cần nhìn bản đồ đồng bằng Bắc Kỳ ta thấy có quá nhiều ao. Ta có thể nói rằng mỗi làng có một cái ao. Đặc tính này giải thích trong cuộc chinh phục và bảo vệ đồng bằng chống lại nạn cướp, nghĩa là chống lại kẻ thù, việc phòng vệ khó khăn biết chừng nào. Nói không ngoa, người An Nam sống trong nước. Chúng ta sẽ không ngạc nhiên biết rằng mỗi người nông dân cũng là người đánh cá. Vì vậy, cá là món ăn thường nhật trong mỗi bữa ăn của người bản xứ. Đây là món ăn của người nghèo. Điều này giải thích nhiều bệnh về da làm cho người ít hiểu biết tin rằng người An Nam bị bệnh giang mai trong khi đó bệnh này chưa bao giờ có trước khi chúng ta đến đây. Trong nghề đánh cá, người bản xứ thể hiện rõ đầu óc quan sát với các kỹ thuật đáng khâm phục. Ta có thể nói rằng, mỗi loại cá được đánh bắt với các dụng cụ riêng. Ta có thể nhìn ở hình 27-28 các dụng cụ thường gặp khắp nơi. Người đánh cá lội vào trong nước, đeo trên mình một cái khổ bó ngang lưng, luồn qua đùi và như vậy thỏa sức tung hoành.



HÌNH. 27.—Bắt cá nơi nước cạn

Trong hình 27, ta bắt gặp cảnh úp lòm cá ở chỗ nước khá sâu để bắt loại cá to. Người đánh cá dùng cái lòm làm bằng các thanh tre thẳng, uốn cong, nối với nhau bằng lạt mây rất chặt, theo khoảng cách nhất định. Phía trên, là một lỗ tròn đủ để thò cánh tay vào bắt cá. Người đánh cá lội nhẹ nhàng trong nước. Anh dùng chân để xua cá trong bụi cỏ. Hai tay giơ cao chiếc lòm và úp ngay xu ống khi thấy con cá lao ra. Anh thò tay vào lòm để bắt cá.

Việc bắt cá này đòi hỏi phải biết chỗ có cá, phải kiên trì chịu đựng mỗi mệt, quan sát liên tục, tất cả những phẩm chất này người bản xứ đều có.

Một kiểu đánh cá khác gọi là kéo vó. Đó là một cái lưới rộng, bốn góc nối vào gọng vó mây, phần trên là nửa hình tròn. Ở điểm giao nhau của hai gọng vó, người ta nối một cần kéo dài bằng tre để kéo vó lên hay đặt vó xuống. Cách đánh cá này được dùng trong các ao chuôm rộng lớn. Người ta cũng dùng để kéo cá rô. Loại cá này sinh nở nhiều khi nước về đầy đồng. Thực ra, trứng cá rô bị khô về mùa hè và lẫn vào trong đất, sinh nở khi có nước về. Chúng ta đã giải thích hiện tượng này như vậy mà nhiều người châu Âu không hiểu được (xem hình 28).



HÌNH. 28.—Đánh cá nơi nước sâu

## NGHỀ BÁN THUỐC LÃO

Xếp nghề bán thuốc lá vào hàng các nghề thực phẩm thật là liều lĩnh. Tuy nhiên, ai đã sống một thời gian ở xứ sở An Nam đều nhận thấy người dân bản xứ rất thích hút thuốc. Đây không còn là giải trí nữa mà là nhu cầu thực sự. Hãy hỏi một người An Nam, anh ta sẽ trả lời bạn rằng đó là chất kích thích, tăng lực. Vì thế, trong mỗi nhà đều có một bát điều thuốc lão. Khi người khách bước vào nhà, người ta đưa bát điều thuốc lão và ông khách không từ chối bao giờ sợ mang tiếng là thô lỗ. Người thợ đi làm luôn mang theo chiếc điều cây để hút thuốc lão. Ta bắt gặp người bán thuốc lão trong các phố. Cũng như người bán hàng của chúng ta, họ không bằng lòng bán lẻ. Họ muốn chế biến thuốc lão thành một nghề riêng. Lá thuốc lão mang đến đóng thành bó tròn, Lá cây thuốc được nén thành cuộn bằng lạt tre.



HÌNH. 29.– Người bán thuốc lá

Hình 29 thể hiện một trong những thao tác của người bán lẻ thuốc lão. Anh ta dùng một dụng cụ như “cái máy chêm” của chúng ta. Đó là tấm ván nhỏ bằng gỗ nằm ngang, ở cuối là thanh gỗ thẳng đứng có lỗ khoét hình tròn ở giữa. Người thợ ngồi lên tấm ván đặt cuộn lá thuốc lão vào lỗ tròn và thái thành sợi nhỏ bằng con dao thái có hai chuôi. Một chuôi dao được giữ nguyên ở phía dưới nhờ ngón chân búa vào rất chặt. Một tay đưa lưỡi dao cắt từ cao xuống thấp, tay kia giữ chặt cuộn lá thuốc lão. Hình vẽ thể hiện hiệu bán thuốc lão. Như các cửa hiệu khác, hiệu này có một cái phản gỗ. Hai bình hình trụ đựng các hộp giá một, hai xu. Trên thanh tre ngang cài chặt vào xà trần nhà, người ta treo dải giấy cuốn thuốc lão và cái cân.

## NGHỀ XÂY DỰNG

### SỬ DỤNG TRE

Nếu chúng ta thực sự muốn miêu tả kỹ lưỡng việc dùng tre ở xứ sở An Nam cần phải có chuyên khảo thật công phu. Chúng tôi chỉ giới hạn chỉ rõ cách dùng tre trong xây dựng. Người ta dùng tre làm dàn giáo, làm hàng rào bảo vệ ngôi vườn nhỏ quanh nhà. Ở nông thôn, khung nhà được làm hoàn toàn bằng tre. Người An Nam còn biết khôn khéo dùng các đoạn tre tròn và các mẫu tre để làm diềm tựa. Nhưng vai trò của cây tre nổi lên trong việc đan phen. Các loại phen được đan bằng cật tre chẻ mỏng. Đây là nguyên tắc. Chúng ta biết rõ rằng việc đan và phối hình rất phong phú. Đan phen là công việc đòi hỏi tính kiên trì. Không có gì dễ dàng cả. Thường thì người ta mua vài cây tre làm khung và đan phen. Hình 30 thể hiện mẫu đan phen. Phen được dùng vào nhiều việc, dùng làm trần nhà, làm vách ngăn các gian nhà. Trong vài phút, ta có thể lắp một mái hiên bằng phen tre đan. Các mái thuyền được lợp bằng phen tre đan. Khi đắp đê, người ta lấy phen tre che bờ đê bằng cách buộc vào các cọc tre đóng thẳng vào đất.



HÌNH. 30.– Đan tre

## NGHỀ LÀM GẠCH

Ở đồng bằng Bắc Kì, đá rất hiếm, người ta chỉ dùng đá trong xây dựng các công trình công cộng, tôn giáo. Vì thế, ta có thể chia nhà ở tại xứ sở An Nam thành hai phần:

1. Nhà xây bằng gạch;
2. Nhà xây bằng tre và đất khô.



HÌNH. 31.– Phơi gạch dưới nắng mặt trời

Nghề đóng gạch đang suy yếu ở đây. Trước kia, khi các nhà thầu khoán muốn làm các công trình vững chắc, họ chọn lựa kỹ lưỡng các công nhân Trung Quốc xây lò gạch. Các cung thành được chúng ta xây theo kiến trúc Vauban ở nước này đều bằng gạch gọi là “gạch quan”. Gạch mà chúng ta nhìn thấy hàng ngày chất lượng tồi. Người An Nam khá giả ham muốn sở hữu ngôi nhà bằng gạch. Gia tài của cá nhân dựa vào số lượng nhà gạch anh ta có. Người bản xứ cũng như những người nguyên thủy, lưu ý đến giá rẻ hơn là chất lượng sản phẩm. Vì thế, tuổi thọ ngắn của các ngôi nhà ở nước có khí hậu khắc nghiệt là lí do làm khách du lịch ngạc nhiên. Không có chỗ dành cho khảo cổ về kiến trúc ở Bắc Kì.

Kỹ thuật làm gạch của người An Nam còn rất thô sơ. Vì thế các nhà máy gạch châu Âu có thể cạnh tranh với sản xuất của người bản xứ. Chẳng hạn, phần lớn các công trình ở Nam Kì được xây bằng gạch đưa từ Bắc Kì vào vì ở đó có nhiều nhà máy gạch. Người bản xứ làm lò gạch ngay gần nơi có đất sét đỏ, đào hồ đựng nước và đất đặc biệt. Đất được nhào bằng chân. Sau đó phụ nữ và trẻ em đóng gạch vào khuôn gỗ hình chữ nhật. Gạch được xếp thẳng hàng phơi khô dưới nắng mặt trời. Hình 31 thể hiện thao tác đóng gạch này.

Khi gạch đạt tới độ cứng vừa đủ, người ta xếp vào lò sau đó người ta phủ lò bằng lớp đất bùn và đốt lò từ dưới. Công việc nung gạch kéo dài nhiều ngày.

## NHÀ LÀM BẰNG TRE VÀ ĐẤT

Ngoài các công trình tôn giáo, nhà của quan chức làm bằng tre, ở nông thôn, phần lớn nhà đều làm bằng đất. Khung nhà làm bằng tre. Mái nhà được lợp bằng rạ. Để làm tường, hãy xem người ta làm ra sao (hình 32). Khoảng cách giữa các cột tre được ngăn bằng một cái phên. Người thợ nhào đất trộn với rơm đã băm nhỏ để tạo ra độ đặc. Thường xuyên, người ta hay dùng trấu lúa xay, nó được đắp lên khung giá đỡ bằng tre. Tất cả tạo nên bức tường tuyệt vời ngăn cho nhà khỏi bị nóng. Giá thành xây dựng rẻ nhất.

HÌNH. 32.– Xây tường đất nện



## NGHỀ ĐÀU ĐẤT

Chúng ta sẽ có một nghiên cứu về các nghề rong còn gọi là nghề sống trên đường phố, Nghề đầu đất là những người làm trong nghề xây dựng, cũng thuộc nghề rong. Họ có đặc điểm rất lí thú. Như những người “thợ nề” của Pháp. Họ lên Hà Nội trong lúc nông nhàn. Đó là những người xuất cư. Họ đi thành hai người qua các phố như hình 33 thể hiện. Họ mang theo đồ nghề rất đơn giản gồm một cán cuốc làm từ cán gỗ cứng, phần dưới là lưỡi cuốc bằng sắt. Một dụng cụ khác gọi là thuổng, nó gồm một cán gỗ tròn và lưỡi sắt hình chữ nhật dài. Người ta dùng thuổng đào đất theo hướng thẳng đứng như búa chim khi người cầm cuốc giơ cao quá đầu và búa xuống theo hình bán nguyệt như cuốc của chúng ta.



HÌNH. 33.– Thợ đào đất rong ở Hà Nội

## KẾT LUẬN

### TƯƠNG LAI NGHỀ Ở AN NAM

Chúng ta có mặt ở Nam Kì từ nửa thế kỉ nay và từ 25 năm nay ở Bắc Kì và ở Trung Kì. Chúng ta đã chi hàng triệu phơ rãng để bảo dưỡng trường học mà sai lầm nhỏ bé là đã đào tạo ra những công chức bức tức gọi là những nhà cách mạng. Tất nhiên, lời chỉ trích này dành cho các cơ quan đáng khâm phục như trường dạy nghề Hà Nội do Phòng Thương mại lập ra và do kĩ sư Barbotin chỉ đạo một cách có ý thức.

Nhưng nhiều trường tương tự đặt giữa các đô thị chỉ đào tạo thợ và nghệ nhân với đồng lương cao, còn một thiếu sót mà một người đã biết và tìm ra điều ấy. Đó là ông Crevost, Giám đốc Bảo tàng Công thương Hà Nội<sup>1</sup>.

Giải pháp cho điều thiếu sót này cực kì “lịch lãm”. Ông Crevost không tìm cách tách người lao động khỏi môi trường sống của họ. Ông đề nghị ngài Thống sứ yêu cầu mỗi tỉnh gửi cho ông 20 thanh niên. Ông cho họ ở dưới tầng hầm của bảo tàng và nuôi ăn. Ở đây, ông dạy cho họ những nghề dễ và kiếm tiền được ngay. Làm mũ Panama, làm bún gạo, làm miến. Sau vài tháng học việc, họ có đủ khả năng tự lập nghiệp, kiếm ăn và được trả về địa phương và lại đón tiếp một tốp mới thay thế. Như bạn đọc nhận thấy rõ, chỉ một việc như thế, chúng ta đạt tới loại nghề có chủ trương từ trước đó là nghề sản xuất tập thể. Một nhà tư bản nhỏ bản xứ đến các làng, thu gom hàng, nhà tư bản châu Âu xuất hàng đi châu Âu, chu kì như vậy là kết thúc. Rất mong rằng mỗi phủ tỉnh mở một trường dạy nghề như thế. Nếu làm được như vậy, chúng ta sẽ chinh phục được những người nông dân vẫn bị chúng ta bỏ mặc cho đến nay. Chúng ta nhẽ ra không nên che chở, thu hút một cách khờ khạo tầng lớp tiểu tư sản ở các đô thị, họ ngấm ngấm chuẩn bị các cuộc nổi dậy chống lại chính chúng ta<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Crevost xem xét sơ lược về các nghề của người bản xứ ở Bắc Kì (*Considérations sommaires sur les Industries indigènes au Tonkin.*) . Trích từ bản tin kinh tế Đông Dương (*Bulletin économique de l'Indochine*) tháng 7-8 năm 1909, số 79, trang 30. Haiphong-Hanoi, nhà in Viễn Đông, 1909.

<sup>2</sup> Theo nguồn tin từ Hà Nội, ý định của ông Crevost đã bị đổ ý. Nó không phải là biểu hiện một tư duy độc đáo, có ý thức về thực tế cần thiết cho đất nước nghèo khổ này. Chính quyền bảo hộ rất muốn ủng hộ. Mong rằng hệ thống dạy học ít tốn kém nhất này không tách người dân xa rời mảnh đất quê hương mà là tạo ra giữa họ và kẻ đi chinh phục một liên kết kinh tế, mối liên kết tốt nhất rất khả thi này cần được nhân rộng ra trong các nơi khác của Liên hiệp Đông Dương.



## TRƯỜNG HỌC NGHỀ

Chính quyền bảo hộ thành lập ở Hà Nội một trường học nghề đặt tại tầng ngầm của Bảo tàng nông nghiệp công thương. Trường này thay thế khoa học nghề riêng, lẽ ra phải được tổ chức tại trường dạy nghề. Trường có mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa vào và truyền bá trong vùng nông thôn Bắc Kì các nghề gia đình chỉ cần vốn nhỏ và dùng nguyên liệu sẵn có dồi dào trong nước. Trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm của một số nghề của dân bản xứ bằng cách hoàn thiện các kĩ thuật sản xuất.

“Trước hết, nhà trường chỉ dạy cho người An Nam cách làm mũ, làm đồ đan lát để xuất khẩu. Những kinh nghiệm về đào tạo hai nghề dạy tại xưởng học nghề đặt tại bảo tàng đã cho kết quả rất tốt. Nhiều nghề khác có thể dần dần được đưa vào dạy khi hai nghề đầu tiên đã được dạy, được ứng dụng trong đời sống của người bản xứ”.

“Người học việc sẽ được tuyển chọn trong số thanh thiếu niên từ 14 đến 18 tuổi tại các tỉnh ở Bắc Kì và trong các tông khác nhau nhằm truyền bá rộng rãi chương trình dạy nghề cho họ. Ưu tiên tuyển những con gia đình có một khoản tiền tối thiểu để mua nguyên liệu sản xuất sau này. Con cái nhà khá giả chỉ có thể gửi con lên thủ đô học việc bằng tiền của chính quyền”.

“Thời gian học việc kéo dài ba tháng sau đó, họ trở về nhà lập nghiệp, mỗi năm có thể đào tạo liên tục bốn nhóm học nghề”.

“Để bắt đầu, trong mỗi nhóm học nghề, mỗi tỉnh được cử 5 người. Con số này, không đòi hỏi quá nhiều đóng góp, đủ để xem xét ngay từ khóa đầu tiên, khả năng thực tế của người bản xứ có thể rất khác nhau tùy theo địa phương. Sau ba tháng về địa phương, các tỉnh trưởng phải báo cáo kết quả công việc của người học để quyết định khoản tiền cần dùng để tiếp tục đào tạo nghề này hay không vì các lí do như: năng lực nhân công kém, thiếu nguyên liệu, chỗ làm, bản ít có lời... Mỗi người thợ học việc khi rời tỉnh đi học được cấp miễn phí một quyển sổ học việc trong đó khi tất cả các số liệu cần thiết xác minh rõ nhân thân của mình. Khi đến Hà Nội phải nộp sổ này cho thư viện và nhận lại sổ này sau khóa học việc ở trường. Trong sổ này có ghi rõ khả năng trong quá trình học”.

Hàng ngày thợ học việc phải làm việc buổi sáng từ 7g30 đến 11g, buổi chiều từ 1g30 đến 5g. Mỗi tuần được bác sĩ kiểm tra sức khỏe một lần và tham gia hai giờ học về lợi ích của vệ sinh.

Các tỉnh phải đảm bảo cung cấp cho học viên của mình mỗi tháng 6 đồng để chi cho ăn, ở trong thời gian học việc ở Hà Nội.

Về việc này, trước khóa học, mỗi tỉnh phải gửi cho ông giám đốc bảo tàng một giấy gửi tiền bao gồm toàn bộ các khoản chi cho tất cả học viên của mình trong thời gian ba tháng. Số tiền hàng năm tính trong ngân sách của tỉnh chỉ cho nhóm 5 người học việc, số tiền mỗi khóa sẽ là 360 đồng.

Trong thành phố Hà Nội, các gia đình tốt được lựa chọn để lo ăn ở cho người học việc từ các tỉnh đến. Các công chức của bảo tàng sẽ đến thăm thường xuyên các gia đình này để xem chất lượng, số lượng bữa ăn có thật sự đảm bảo không và kiểm tra xem nơi ở có sạch sẽ vệ sinh không.

Trong chừng mực có thể, các em học sinh của một tỉnh được xếp vào ở trong cùng một gia đình.

Các tỉnh vùng cao có thể bớt số học viên mỗi khóa do ngân sách của họ không thể dành khoản tiền chi cho số học viên qui định như các tỉnh khác.

Đó là dự án của ngài Thống sứ Simoni người định khai giảng trường mới ngày 15 tháng 3 năm 1910 sau Tết Nguyên Đán.

Điều này cho phép ta tin vào thành công lớn của mô hình dạy nghề mới này. Nó dựa trên đầu óc bất chước, theo tôi, đó là bản tính của người bản xứ. Bằng chứng li kì là người ta đã truyền bá rất nhanh các phương pháp năm 1900, tại triển lãm thế giới.

Hội đồng Bắc Kì (Paniers, Hanoi) “Nghề đan trước kia được nhập từ Trung Quốc và Xin Ga Po. Chính quyền Đông Dương đã thành lập các xưởng đan tại các nhà tù ở thuộc địa. Sau khi được phóng thích, các tù nhân trở về quê lập nghiệp, tự tạo ra nghề, sản xuất đủ cho tiêu dùng. Tre và mây đan, hai thứ nguyên liệu được dùng để làm hàng, phát triển nhiều trong rừng ở Đông Dương” (Amson, Báo cáo hội đồng quốc tế, trang 113).

## BẢNG TỔNG HỢP

15 tập bản vẽ ghi chú và 45 bài viết về “tư vựng nghề nghiệp” được lập ra theo trật tự trong bảng tổng hợp của công trình này

### Nghề lấy nguyên liệu từ thiên nhiên

Nghề nông :

4, 6, 10, 13, 16, 18, 23, 26, 29, 30, 52, 60, 62, 63, 67, 71, 76, 81, 90, 92, 94, 95, 105, 108, 117, 138, 158, 166, 168, 172, 186, 194, 199, 224, 227, 231, 248, 250, 252, 257, 264, 272, 284, 295, 304, 308, 318, 354, 360, 371, 372, 373, 377, 380, 384, 385, 414, 422, 424, 428, 429, 432, 442, 447, 448, 459, 466, 467, 468, 472, 476, 482, 485, 488, 489, 491, 496, 498, 510, 515, 522, 525, 526, 534, 547, 549, 555, 562, 568, 573, 576, 580, 582, 583, 584, 589, 594, 595, 606, 608, 612, 615, 621, 624, 630, 633, 641, 642, 652, 659, 666, 667, 681.

Nghề đánh cá :

10, 18, 30, 43, 115, 153, 163, 186, 187, 222, 233, 235, 260, 377, 380, 385, 397, 412, 421, 497, 523.

Nghề săn bắn :

30, 35, 52, 58, 66, 160, 196, 210, 234, 299, 371, 373, 377, 380, 438, 439, 479, 559, 596, 607, 616, 679, 685.

Nghề vận tải :

5, 7, 11, 12, 14, 19, 23, 32, 41, 42, 43, 48, 50, 82, 96, 115, 151, 159, 169, 183, 193, 198, 203, 209, 213, 216, 220, 241, 259, 261, 268, 273, 276, 291, 304, 311, 339, 340, 359, 370, 371, 379, 392, 398, 409, 412, 424, 432, 445, 446, 448, 449, 456, 457, 462, 468, 489, 500, 526, 544, 561, 610, 612, 618, 636, 646, 656, 668, 692, 694.

Nghề hái quả :

6, 76, 112, 149, 150, 153, 158, 169, 184, 192, 193, 194, 195, 206, 217, 227, 230, 236, 252, 295, 307, 333, 349, 350, 352, 359, 277, 474, 512, 637, 644, 647.

### Nghề làm nguyên liệu lấy từ thiên nhiên

Nghề giấy :

11, 15, 23, 24, 27, 28-32, 37, 39, 41, 45, 46, 48, 54, 56, 60, 64, 65, 68, 69, 70, 78, 81, 90, 92, 140, 143, 148, 151, 161, 167, 169, 172, 173, 175, 178, 184, 185, 186, 188, 190, 194, 216, 236, 238, 240, 243, 244, 245, 246, 247, 265, 267, 268, 270, 273, 276, 278, 279, 284, 285, 287, 290, 292, 299, 321, 331, 344, 350, 353, 373, 376, 377, 378, 382, 387, 388, 390, 391, 392, 393, 396, 397, 400, 403, 404, 406, 409, 410, 414, 418, 419, 421, 425, 427, 429, 433, 435, 437, 439, 441, 442, 445, 446, 453, 459, 460, 467, 468, 469, 473, 477, 479, 480, 485, 488, 489, 490, 492, 498, 499, 502, 504, 510, 512, 515-517, 522, 525, 535, 536, 537, 540, 542, 543, 548, 552, 554, 556, 563, 565, 567, 574, 576, 581, 586, 587, 593, 596, 599, 602, 603, 605, 607, 609, 625, 628, 631, 643, 649, 658, 662, 671, 676, 683, 687, 688.

Kim loại quý :

10, 13, 21, 31, 33, 43, 44, 46, 50, 51, 68, 112, 114, 115, 163, 172, 175, 178, 187, 197, 223, 263, 267, 271, 274, 278, 290, 291, 293, 295, 314, 328, 334, 337, 371, 373, 386, 389, 402, 403, 405, 409, 411, 422, 423, 439, 445, 454, 456, 476, 477, 490, 492, 505, 515, 527, 530, 544, 561, 562, 564, 581, 598, 605, 610, 616, 628, 632, 635, 638, 640, 660, 661, 669, 671.

Nghề gốm :

10, 11, 16, 17, 20, 23, 28, 31, 33, 39, 41, 45, 50, 55, 56, 64, 74, 78, 112, 118, 119, 126, 131, 135, 136, 146, 147, 149, 150, 156, 159, 164, 172, 173, 174, 175, 178, 179, 183, 188, 199, 207, 213, 216, 218, 219, 221, 231, 232, 233, 236, 239, 242, 243, 245, 247, 249, 253, 256, 266, 268, 270, 276, 291, 293, 297, 324, 350, 356, 359, 370, 371, 375, 376, 379, 382, 385, 389, 393, 394, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 409, 411, 412, 415, 416, 419, 420, 421, 429, 430, 433, 434, 439, 442, 443, 446, 449, 450, 452, 453, 461, 464, 465, 466, 467, 489, 492, 500, 501, 502, 509, 416, 517, 520, 522, 532, 534, 539, 541, 546, 547, 558, 563, 566, 568, 590, 592, 593, 597, 598, 604, 613, 626, 630, 640, 647, 660, 664, 665, 667, 672, 673, 686, 689, 691.

Nghề Bạc và thiếc :

5, 22, 39, 47, 48, 50, 58, 63, 70, 73, 92, 121, 160, 168, 172, 173, 175, 177, 185, 186, 235, 247, 254, 292, 293, 315, 335, 350, 351, 362, 372, 382, 393, 404, 408, 409, 411, 416, 417, 419, 421, 428, 430, 434, 440, 458, 464, 467, 471, 475, 482, 487, 488, 500, 551, 602, 619, 672, 690.

Nghề làm gỗ :

2, 5, 8, 10, 11, 12, 16, 17, 18, 21, 23, 25, 33, 34, 35, 40, 41, 43, 46, 47, 49, 50, 56, 63, 70, 74, 75, 78, 100, 117, 120, 122, 127, 129, 131, 132, 146, 152, 159, 167, 168, 172, 173, 176, 177, 185, 187, 189, 201, 203, 207, 216, 228, 231, 233, 235, 241, 243, 245, 246, 249, 251, 270, 273, 274, 276, 277, 283, 287, 291, 296, 298, 311, 319, 324, 328, 341, 345, 361, 363, 365, 367, 370, 372, 375, 384, 385, 386, 387, 490, 391, 395, 397, 399, 402, 403, 404, 405, 408, 409, 413, 416, 417, 418, 434, 436, 443, 446, 449, 452, 456, 458, 464, 471, 472, 483, 487, 491, 507, 511, 544, 546, 553, 572, 580, 582, 583, 601, 641, 653.

Vũ khí :

2, 4, 7, 8, 11, 12, 16, 19, 45, 55, 83, 85, 100, 108, 121, 163, 170, 186, 188, 208, 216, 235, 285, 373, 376, 382, 398, 402, 404, 418, 426, 429, 450, 458, 505, 513, 567, 620, 624, 634, 694.

Tre :

5, 8, 9, 10, 13, 15, 17, 19, 21, 22, 25, 27, 28, 29, 30, 32, 33, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 47, 48, 49, 50, 55, 63, 64, 68, 70, 75, 81, 87, 89, 93, 96, 104, 111, 117, 124, 126, 133, 142, 155, 156, 157, 164, 166, 168, 171, 176, 177, 178, 181, 183, 184, 186, 187, 191, 193, 197, 203, 205, 206, 213, 216, 219, 233, 238, 241, 242, 246, 248, 249, 252, 354, 260, 269, 270, 271, 272, 273, 276, 282, 283, 290, 291, 292, 293, 301, 303, 307, 308, 313, 314, 315, 317, 323, 331, 335, 338, 343, 346, 347, 351, 362, 363, 364, 374, 375, 378, 384, 385, 386, 387, 390, 391, 394, 395, 398, 399, 403, 405, 406, 408, 414, 415, 417, 421, 425, 426, 430, 437, 439, 440, 441, 442, 446, 452, 453, 459, 466, 468, 470, 482, 483, 487, 490, 493, 494, 497, 506, 530, 541, 544, 574, 575, 591, 592, 616, 620, 631, 641, 643, 652, 663, 675, 688, 692.

Mây :

2, 56, 66, 78, 149, 159, 175, 208, 291, 392, 411, 412, 413, 425, 445.

Nghề chế biến hoa quả :

41, 48, 53, 65, 78, 109, 122, 124, 133, 143, 150, 156, 162, 168, 175, 177, 191, 199, 211, 215, 217, 220, 222, 238, 253, 255, 267, 278, 280, 305, 310, 322, 325, 335, 341, 342, 347, 364, 366, 382, 391, 395, 398, 404, 421, 459, 469, 478, 481, 486, 487, 489, 503, 507, 532, 590, 598, 630, 633, 645, 650, 683.

Vải sợi :

10, 17, 37, 38, 51, 55, 61, 63, 76, 78, 80, 95, 119, 178, 220, 237, 248, 278, 339, 346, 409, 425, 444, 484.

Tơ lụa :

5, 26, 27, 33, 47, 55, 66, 75, 89, 138, 179, 187, 196, 216, 217, 218, 234, 252, 268, 270, 273, 281, 287, 288, 292, 335, 357, 365, 371, 388, 392, 398, 399, 402, 404, 420, 425, 427, 456, 457, 458, 482, 485, 549, 554, 564, 576, 615, 648, 658, 662, 678, 682.

Lông :

88, 106, 136, 147, 171, 262, 264, 357, 362, 375, 421, 440, 494, 615.

Da :

2, 10, 21, 37, 56, 117, 135, 142, 173, 175, 186, 207, 219, 236, 242, 250, 254, 278, 292, 297, 320, 323, 330, 372, 399, 413, 450, 468, 510, 528, 530, 568, 579, 603, 635.

Sắt :

8, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 28, 33, 3, 50, 56, 63, 67, 69, 118, 125, 146, 147, 150, 173, 176, 184, 212, 236, 241, 248, 296, 372, 376, 392, 399, 402, 405, 406, 408, 409, 411, 418, 422, 423, 437, 441, 446, 459, 460, 462, 463, 467, 469, 474, 481, 482, 484, 489, 518, 524, 538, 543, 550, 585, 589, 592, 595, 600, 608, 614, 617, 661, 687.

Đồng :

2, 5, 10, 11, 22, 31, 37, 41, 46, 48, 49, 55, 56, 63, 69, 77, 81, 97, 116, 124, 135, 138, 141, 144, 154, 174, 177, 186, 201, 204, 221, 243, 246, 254, 256, 263, 273, 274, 283, 291, 293, 342, 346, 365, 367, 370, 379, 388, 389, 390, 393, 394, 396, 406, 407, 409, 410, 411, 412, 413, 416, 417, 422, 427, 440, 441, 442, 449, 452, 458, 472, 474, 475, 476, 489, 491, 506, 510, 513, 523, 528, 533, 536, 537, 539, 543, 544, 548, 552, 553, 559, 562, 563, 566, 569, 578, 584, 588, 589, 590, 591, 601, 606, 613, 625, 626, 637, 638, 639, 642, 646, 653-656, 663, 664, 669, 671, 675, 676, 678, 680, 694, 695.

### **Nghề dùng nguyên liệu được làm ra**

Nghề buôn bán :

14, 19, 37, 40, 43, 47, 52, 56, 66, 78, 87, 90, 91, 100, 146, 162, 170, 186, 187, 190, 225, 228, 234, 243, 276, 282, 297, 299, 303, 310, 318, 328, 349, 365, 378, 408, 413, 429, 432, 443, 446, 471, 482, 484, 496, 539, 540, 614, 631, 634, 669, 673, 681, 682.

Đá :

11, 21, 40, 49, 50, 122, 147, 223, 235, 242, 248, 250, 271, 275, 278, 293, 297, 350, 386, 389, 394, 404, 408, 411, 412, 430, 450, 452, 459, 467, 482, 493, 516, 569, 577, 628, 668.

Mẫu và đồ trang trí :

8, 10, 16, 17, 19, 27, 31, 49, 50, 53, 55, 56, 63, 78, 100, 177, 178, 216, 223, 28, 231, 235, 239, 244, 245, 246, 248, 251, 266, 276, 277, 291, 298, 350, 375, 377, 384, 389, 390, 404, 416, 417, 418, 422, 428, 433, 459, 461, 464, 466, 469, 493, 557.

Nghề tô màu và sơn mài :

8, 17, 22, 49, 57, 63, 70, 78, 109, 127, 146, 166, 167, 173, 177, 182, 186, 201, 212, 215, 234, 244, 246, 247, 249, 250, 255, 275, 299, 300, 354, 365, 376, 382, 395, 404, 409, 410, 413, 414, 424, 439, 444, 453, 457, 459, 462, 464, 473, 487, 489, 497, 527, 556, 600, 623, 627, 644, 654.

Nghề điêu khắc và làm tượng :

8, 16, 17, 18, 23, 25, 26, 28, 32, 33, 40, 41, 42, 43, 46, 55, 56, 118, 121, 127, 147, 157, 159, 173, 184, 189, 201, 229, 231, 536, 245, 247, 249, 251, 256, 261, 262, 271, 273, 280, 285, 289, 290, 291, 292, 300, 301, 331, 335, 350, 359, 372, 373, 375, 376, 385, 387, 389, 394, 395, 399, 41, 420, 423, 426, 434, 437, 450, 459, 460, 470, 483, 486, 403, 529, 535, 683.

Đồ thờ :

2, 3, 5, 8, 11, 12, 15, 17, 20, 22, 23, 25, 27, 28, 30, 31, 34, 36, 37, 40, 41, 44, 46, 48, 49, 50, 56, 58, 64, 69, 85, 89, 90, 105, 112, 127, 137, 143, 147, 153, 160, 167, 171, 180, 187, 188, 195, 198, 203, 207, 229, 243, 244, 246, 247, 254, 261, 265, 271, 273, 275, 281, 284, 288, 289, 291, 298, 326, 330, 333, 337, 358, 365, 366, 370, 372, 379, 384, 385, 387, 389, 395, 397, 399, 407, 412, 415, 416, 417, 419, 420, 421, 422, 425, 426, 427, 431, 433, 435, 440, 442, 445, 447, 449, 458, 459, 464, 465, 466, 469, 480, 488, 494, 507, 510, 536, 546, 577, 609, 632, 633, 648, 671.

Nghệ thuật nấu ăn :

10, 14, 21, 23, 26, 27, 29, 32, 38, 44, 46, 47, 48, 53, 65, 69, 70, 72, 73, 75, 77, 82, 87, 92, 97, 118, 126, 127, 135, 137, 149, 155, 165, 174, 184, 186, 204, 206, 224, 229, 235, 241, 250, 256, 259, 262, 265, 269, 281, 300, 302, 303, 311, 314, 315, 316, 319, 327, 328, 330, 339, 348, 352, 355, 366, 368, 376, 378, 399, 408, 412, 413, 424, 425, 437, 448, 457, 458, 460, 471, 494, 505, 508, 513, 520, 524, 529, 550, 577, 579, 585, 597, 602, 603, 608, 609, 630, 636, 657, 661, 677, 679, 690, 692, 693, 694, 697, 699, 700.

Nghề may mặc :

1, 2, 5, 9, 11, 16, 18, 19, 24, 25, 29, 30, 31, 32, 34, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 46, 47, 51, 53, 55, 56, 57, 58, 60, 65, 70, 71, 75, 79, 114, 116, 117, 118, 121, 125, 131, 145, 146, 153, 154, 160, 161, 165, 168, 177, 179, 183, 185, 188, 195, 198, 199, 200, 201, 203, 219, 223, 229, 239, 241, 242, 244, 249, 250, 252, 254, 258, 261, 268, 269, 270, 275, 276, 280, 283, 284, 286, 287,

289, 292, 293, 294, 295, 297, 298, 302, 308, 315, 324, 327, 333, 341, 344, 346, 355, 365, 372, 378, 385, 386, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 399, 410, 412, 415, 420, 426, 429, 430, 431, 435, 440, 442, 446, 447, 449, 456, 457, 460, 461, 462, 464, 469, 470, 473, 475, 480, 482, 487, 494, 513, 518, 521, 528, 572, 583, 494, 596, 620, 674.

Nghề xây dựng :

5, 7, 8, 9, 11, 13, 16, 21, 22, 23, 25, 28, 31, 33, 45, 46, 48, 53, 55, 58, 60, 75, 78, 89, 91, 95, 97, 98, 101, 104, 105, 107, 111, 123, 136, 138, 142, 148, 149, 152, 153, 154, 157, 158, 160, 167, 175, 181, 187, 194, 201, 203, 204, 216, 219, 223, 226, 228, 229, 233, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 250, 257, 261, 262, 263, 271, 275, 280, 283, 284, 287, 289, 290, 293, 296, 324, 350, 359, 368, 370, 376, 378, 379, 386, 391, 392, 393, 400, 403, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 414, 416, 417, 419, 427, 430, 434, 435, 439, 442, 443, 444, 458, 459, 460, 462, 464, 465, 467, 469, 481, 482, 483, 486, 488, 489, 500, 510, 526, 527, 548, 557, 565, 566, 586, 620, 637, 644, 665, 689, 691.

Nghề làm đồ nội thất :

3, 5, 8, 16, 24, 25, 27, 31, 34, 35, 43, 45, 46, 48, 49, 55, 65, 93, 94, 99, 104, 107, 116, 118, 135, 144, 152, 156, 157, 159, 170, 174, 177, 178, 182, 183, 185, 186, 187, 198, 199, 201, 212, 216, 217, 218, 219, 224, 228, 233, 234, 235, 236, 237, 241, 242, 243, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 272, 277, 287, 291, 292, 293, 298, 309, 324, 348, 356, 359, 371, 375, 379, 385, 390, 391, 392, 395, 403, 405, 408, 409, 411, 413, 414, 415, 421, 422, 426, 429, 435, 436, 438, 441, 443, 453, 454, 456, 459, 460, 461, 462, 464, 466, 469, 479, 483, 486, 493, 494, 496, 498, 499, 501, 512, 513, 564, 573, 575, 579, 582, 584, 588, 599, 610, 614, 619, 629.

Công cụ :

1, 10, 21, 22, 25, 32, 45, 47, 53, 152, 159, 160, 172, 180, 182, 183, 184, 186, 187, 195, 236, 242, 274, 276, 278, 283, 293, 376, 385, 386, 389, 392, 395, 396, 402, 405, 407, 408, 413, 422, 427, 429, 457, 462, 466, 468, 488.

Dụng cụ :

4, 11, 16, 18, 27, 40, 41, 44, 46, 61, 69, 72, 79, 81, 100, 118, 120, 132, 139, 148, 157, 164, 165, 169, 170, 171, 184, 188, 200, 207, 208, 216, 225, 227, 241, 251, 338, 345, 356, 369, 386, 393, 395, 422, 427, 445, 460, 461, 466, 492, 493, 511, 557, 558, 574, 595, 621, 623, 626, 629, 636, 639, 642.

Máy :

21, 24, 29, 32, 37, 53, 55, 56, 154, 160, 161, 171, 173, 178, 184, 186, 192, 203, 245, 247, 262, 276, 293, 296, 324, 386, 295, 417, 420, 442, 458, 471, 567, 685.

Nghề làm mứt và bánh ngọt :

2, 10, 15, 22, 29, 32, 33, 37, 39, 40, 51, 60, 87, 111, 135, 144, 155, 167, 178, 181, 184, 186, 193, 219, 222, 227, 233, 240, 241, 243, 244, 246, 258, 278, 283, 296, 306, 332, 364, 379, 382, 396, 407, 408, 413, 421, 431, 434, 453, 456, 463, 465, 466, 468, 470, 488, 524, 533, 549, 552, 553, 560, 569, 573, 578, 587, 606, 612, 632, 649, 680, 689.

### **Đời sống tư và công của người dân An nam**

Đời sống công :

39, 40, 54, 68, 73, 82, 91, 94, 105, 108, 117, 145, 148, 156, 469, 172, 197, 201, 205, 209, 212, 221, 226, 238, 253, 257, 279, 281, 290, 309, 312, 314, 316, 318, 335, 348, 351, 353, 355, 361, 364, 373, 376, 407, 415, 445, 450, 469, 472, 487, 508, 556, 561, 570, 581, 600, 650, 653, 657, 681, 691.

Đời sống tình cảm :

32, 34, 38, 45, 46, 47, 48, 51, 53, 54, 58, 61, 63, 73, 96, 99, 104, 107, 114, 116, 124, 129, 136, 140, 144, 145, 146, 159, 162, 166, 172, 179, 185, 189, 190, 192, 196, 205, 206, 215, 216, 225, 231, 232, 235, 237, 239, 242, 246, 256, 274, 281, 283, 284, 285, 289, 293, 297, 301, 305, 313, 319, 322, 325, 326, 336, 338, 341, 352, 354, 357, 359, 370, 372, 375, 379, 387, 391, 399, 404, 406, 430, 443, 444, 445, 449, 454, 460, 463, 473, 477, 482, 494, 497, 509, 521, 627, 677, 696.

Đời sống tình cảm :

2, 3, 23, 24, 25, 27, 33, 46, 48, 49, 62, 74, 135, 164, 177, 178, 187, 268, 285, 289, 297, 298, 316, 321, 376, 428, 437, 450, 684, 695.

Ảo thuật và tướng số :

1, 23, 26, 60, 61, 62, 63, 72, 80, 82, 85, 86, 108, 111, 124, 125, 139, 151, 188, 190, 196, 213, 219, 228, 237, 244, 247, 249, 258, 285, 289, 290, 291, 308, 310, 311, 312, 317, 330, 336, 343, 348, 350, 360, 361, 368, 373, 379, 387, 394, 413, 441, 458, 465, 488, 495, 551, 572, 578, 587, 618, 624, 639, 655, 659, 663, 666, 669, 696.

Các phép trị liệu dân gian :

1, 5, 18, 26, 49, 53, 58, 106, 126, 133, 161, 163, 191, 219, 240, 255, 257, 264, 268, 298, 302, 304, 310, 319, 322, 327, 332, 333, 339, 373, 388, 390, 391, 392, 403, 421, 437, 448, 458, 496, 508, 521, 523, 550, 555, 575, 586, 601, 617, 650, 697.

Tết & lễ :

5, 7, 13, 15, 19, 28, 41, 49, 77, 101, 114, 170, 173, 175, 188, 212, 213, 226, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 342, 346, 349, 254, 259, 267, 270, 287, 291, 302, 313, 318, 331, 336, 344, 346, 349, 370, 375, 376, 387, 389, 396, 401, 414, 416, 417, 419, 426, 428, 436, 437, 438, 441, 443, 451, 454, 462, 478, 481, 506, 513, 534, 538, 542, 565, 571, 604, 607, 611, 645, 664, 680, 695.

Trò chơi và đồ chơi :

3, 6, 9, 14, 15, 16, 17, 20, 26, 30, 34, 35, 38, 41, 43, 45, 49, 50, 52, 57, 58, 67, 71, 75, 76, 80, 82, 83, 88, 92, 96, 99, 101, 107, 109, 115, 118, 119, 120, 121, 129, 133, 139, 143, 147, 152, 162, 166, 170, 172, 173, 174, 179, 183, 201, 210, 215, 216, 218, 219, 220, 221, 222, 229, 230, 231, 232, 248, 249, 250, 251, 255, 269, 271, 275, 279, 280, 281, 285, 287, 293, 297, 300, 301, 305, 307, 312, 316, 321, 322, 323, 324, 325, 332, 334, 335, 337, 338, 340, 342, 344, 345, 347, 349, 359, 362, 363, 365, 367, 369, 370, 371, 374, 380, 382, 384, 387, 393, 398, 399, 403, 407, 409, 414, 417, 419, 424, 427, 431, 434, 436, 442, 445, 446, 456, 463, 467, 476, 480, 482, 483, 489, 491, 493, 503, 504, 511, 529, 532, 533, 580, 619, 635, 638, 649, 653, 655, 665, 674, 684, 685, 698.

Cử chỉ :

12, 14, 19, 26, 28, 31, 33, 43, 48, 49, 54, 75, 77, 106, 127, 172, 201, 203, 210, 213, 219, 264, 309, 310, 321, 342, 343, 357, 363, 369, 372, 384, 389, 429, 487, 489, 677.

Đời sống ngoài phố :

1, 4, 7, 8, 12, 14, 19, 21, 23, 26, 31, 43, 51, 61, 67, 75, 93, 95, 104, 106, 122, 132, 138, 140, 142, 151, 152, 155, 167, 170, 171, 172, 176, 180, 183, 201, 203, 204, 207, 208, 210, 211, 213, 214, 215, 223, 224, 226, 228, 232, 233, 238, 240, 244, 245, 248, 251, 254, 258, 259, 265, 268, 270, 272, 288, 290, 304, 307, 313, 326, 334, 336, 340, 347, 350, 353, 354, 355, 358, 359, 368, 372, 384, 386, 398, 415, 429, 432, 433, 436, 439, 443, 450, 454, 461, 483, 494, 499, 502, 509, 518, 531, 544, 555, 621, 625, 640, 651, 667, 686.

Nghề bán rong :

1, 4, 5, 8, 12, 13, 16, 18, 19, 26, 27, 34, 39, 43, 51, 57, 62, 70, 71, 74, 75, 79, 83, 85, 91, 93, 94, 97, 109, 123, 125, 138, 139, 164, 186, 189, 197, 205, 210, 211, 218, 221, 230, 237, 253.